

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường, mục tiêu hàng đầu của các doanh nghiệp là tối đa hoá lợi nhuận, mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất. Để đạt được điều đó đòi hỏi các nhà quản lý phải có những biện pháp thiết thực trong chiến lược kinh doanh của mình. Một trong những chiến lược mũi nhọn của các doanh nghiệp là tập trung vào khâu bán hàng, cung cấp dịch vụ. Đây là giai đoạn cuối cùng của quá trình luân chuyển hàng hoá trong doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp tạo nguồn thu bù đắp những chi phí bỏ ra, từ đó tạo ra lợi nhuận phục vụ cho quá trình tái sản xuất kinh doanh. Vấn đề đặt ra là làm sao tổ chức tốt khâu bán hàng, rút ngắn được quá trình luân chuyển hàng hoá, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh. Trong đó biện pháp quan trọng nhất, hiệu quả nhất phải kể đến là thực hiện tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giữ vai trò hết sức quan trọng, là phần hành kế toán chủ yếu trong công tác kế toán của doanh nghiệp. Góp phần phục vụ đắc lực hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ của mỗi doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp tăng nhanh khả năng thu hồi vốn, kịp thời tổ chức quá trình kinh doanh tiếp theo, cung cấp thông tin nhanh chóng để từ đó doanh nghiệp phân tích, đánh giá lựa chọn các phương án đầu tư có hiệu quả.

Cũng như bao doanh nghiệp khác trong nền kinh tế thị trường, Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư vấn kế toán An Phát luôn quan tâm tới việc tổ chức sản xuất kinh doanh nhằm mang lại lợi nhuận cao nhất cho công ty. Là một công ty cung cấp dịch vụ kiểm toán, tư vấn kế toán, kinh tế thì kinh doanh tìm kiếm doanh thu là một trong những khâu quan trọng nhất đối với sự phát triển của công ty. Xuất phát từ cách nhìn như vậy kế toán doanh thu cần phải được tổ chức một cách khoa học, hợp lý và phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty. Chính vì vậy em đã chọn đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát”**.

Cùng với sự cố gắng của bản thân, đồng thời được sự hướng dẫn nhiệt tình của T.S Trương Thị Thủy, sự chỉ bảo và giúp đỡ nhiệt tình của tập thể ban lãnh đạo và phòng kế toán công ty và các thầy cô trong bộ môn khoa QTKD đã giúp đỡ em rất nhiều để hoàn thành bài luận văn này. Nhưng do thời gian và trình độ còn hạn chế nên luận văn không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý bổ sung để củng cố kiến thức của bản thân và để luận văn của em hoàn thiện hơn.+

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương I: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát.

Chương III: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát.

CHƯƠNG I

LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Bán hàng và ý nghĩa của công tác bán hàng.

1.1.1. Khái niệm bán hàng

Bán hàng là khâu cuối cùng trong hoạt động kinh doanh, là quá trình thực hiện giá trị của hàng hoá. Nói khác đi, bán hàng là quá trình doanh nghiệp chuyên giao hàng hoá của mình cho khách hàng và khách hàng trả tiền hay chấp nhận trả tiền cho doanh nghiệp.

Trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp, hàng hoá bán được là yếu tố quan trọng cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Hàng hoá đạt tiêu chuẩn chất lượng cao, giá thành hạ thì hàng hoá của doanh nghiệp tiêu thụ nhanh mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp, đảm bảo cho doanh nghiệp một vị trí vững chắc trên thị trường.

1.1.2. Vai trò và ý nghĩa của bán hàng.

Quá trình bán hàng có thể chia thành nhiều giai đoạn, song tập trung chủ yếu vào khâu chi phí và bán hàng. Chi phí chi ra để có được số hàng đem ra bán. Phần chênh lệch giữa doanh thu và chi phí là kết quả bán hàng được biểu hiện qua lợi nhuận. Kết quả bán hàng là bộ phận quan trọng nhất trong kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Hàng hoá được bán nhanh chóng sẽ làm tăng vòng quay của vốn, đảm bảo thu hồi vốn nhanh, trang trải được chi phí, đảm bảo được lợi nhuận. Kết quả bán hàng và quá trình bán hàng có mối quan hệ nhân quả với nhau. Vì vậy tổ chức quá trình bán hàng tốt là cơ sở để có kết quả bán hàng cao, giúp doanh nghiệp tăng vòng quay vốn lưu động, tăng luân chuyển hàng hoá trong kỳ, đem lại kết quả cao trong kinh doanh. Kết quả tiêu thụ được phân phối cho các chủ sở hữu, nâng cao đời sống người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước. Bên cạnh đó kết quả bán hàng còn là chỉ tiêu tài chính quan trọng thể hiện rõ nét hoạt động kinh

doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp. Nếu tình hình tài chính tốt, doanh nghiệp sẽ có điều kiện tham gia thị trường vốn, nâng cao năng lực tài chính. Hơn nữa, thông qua quá trình bán hàng đảm bảo cho các đơn vị khác có mối quan hệ mua bán với doanh nghiệp, thực hiện kế hoạch sản xuất và mở rộng sản xuất kinh doanh góp phần đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội, giữ vững quan hệ cân đối tiền hàng, làm cho nền kinh tế ổn định và phát triển.

1.2. Khái niệm doanh thu bán hàng, các khoản giảm ngoài trừ doanh thu bán hàng, nguyên tắc xác định doanh thu bán hàng và kết quả bán hàng.

1.2.1. Khái niệm doanh thu và điều kiện thu nhận doanh thu.

- Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thương của doanh nghiệp, góp phần vốn chủ sở hữu.

Doanh thu trong doanh nghiệp bao gồm: Tổng giá trị cao có lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được như: Doanh thu bán hàng: doanh thu cung cấp dịch vụ: doanh thu hoạt động tài chính, tiền lãi, bản quyền, tổ chức và lợi nhuận được chia.

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là toàn bộ số tiền thu được thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ cấp phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có)

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thoả mãn 5 điều kiện sau:

a. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc bán hàng cho người mua.

b. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc kiểm soát hàng hoá.

c. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

d. Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

e. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng bao gồm: Doanh thu bán hàng ra ngoài và doanh thu bán hàng nội bộ.

+ Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn đồng thời bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1.2.2. Khái niệm các khoản trừ doanh thu:

Các khoản trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm:

- Chiết khấu thương mại: là các khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.
- Hàng bán bị trả lại: là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là bán hàng hoàn thành bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho khách hàng do khách hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.
- Chiết khấu thanh toán.
- Các loại thuế có tính vào giá bán: thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng...

1.3. Các phương thức bán.

1.3.1. Kế toán bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp:

Bán hàng trực tiếp là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho (hoặc trực tiếp tại phân xưởng không qua kho) của doanh nghiệp. Khi giao hàng hoặc cung cấp dịch vụ cho người mua, doanh nghiệp đã nhận được tiền hoặc có quyền thu tiền của người mua, giá trị của hàng hoá đã hoàn thành, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đã được ghi nhận.

1.3.2. Kế toán bán hàng theo phương thức gửi hàng đi cho khách hàng.

Phương thức gửi hàng đi là phương thức bên bán gửi hàng đi cho khách hàng theo các điều kiện của hợp đồng kinh tế đã ký kết. Số hàng gửi đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của bên bán, khi khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua, giá trị hàng hoá đã được thực hiện và là thời điểm bên bán được ghi nhận được ghi nhận doanh thu bán hàng.

1.3.3. Kế toán bán hàng theo phương thức gửi đại lý, ký gửi bán đúng giá hưởng hoa hồng.

Phương thức bán hàng gửi đại lý, ký gửi bán đúng giá hưởng hoa hồng là đúng phương thức bên giao đại lý, ký gửi bên (bên đại lý) để bán hàng cho doanh nghiệp. Bên nhận đại lý, ký gửi người bán hàng theo đúng giá đã quy định và được hưởng thù lao dưới hình thức hoa hồng.

Theo luật thuế GTGT, nếu bên đại lý bán theo đúng giá quy định của bên giao đại lý thì toàn bộ thuế GTGT đầu ra cho bên giao đại lý phải tính nộp NSNN, bên nhận đại lý không phải nộp thuế GTGT trên phần hoa hồng được hưởng.

1.3.4. Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp.

Bán hàng theo trả chậm, trả góp là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần, người mua thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền còn lại, người mua chấp nhận trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu mặt tỷ lệ lãi suất nhất định. Xét về bản chất, hàng bán trả chậm trả góp vẫn được quyền sở hữu của đơn vị bán, nhưng quyền kiểm soát tài sản và lợi ích kinh tế sẽ thu được của tài sản đã được chuyển giao cho người mua. Vì vậy, doanh nghiệp thu nhận doanh thu bán hàng

theo giá bán trả ngay và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính phần lãi trả chậm tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm, phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác nhận.

1.3.5. Kế toán bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng.

Phương thức hàng đổi hàng là phương thức bán hàng doanh nghiệp đem sản phẩm, vật tư, hàng hoá để đổi lấy hàng hoá khác không tương tự giá trao đổi là giá hiện hành của hàng hoá, vật tư tương ứng trên thị trường.

1.4. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để phục vụ quản lý chặt chẽ thành phẩm, thúc đẩy hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác, tiến hành phân phối kết quả kinh doanh đảm bảo các lợi ích kinh tế, kế toán cần hoàn thành các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức theo dõi phản ánh chính xác, đầy đủ kịp thời và giám sát chặt chẽ về tình hình hiện có sự biến động của loại thành phẩm hàng hoá về các mặt số lượng, quy cách chất lượng và giá trị.

- Theo dõi, phản ánh, kiểm soát chặt chẽ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ, hoạt động tài chính và các hoạt động khác. Ghi nhận đầy đủ kịp thời vào các khoản chi phí thu nhập của từng địa điểm kinh doanh, từng mặt hàng, từng hoạt động.

- Xác định kết quả từng hoạt động trong doanh nghiệp, phản ánh và kiểm tra, giám sát tình hình phân phối kết quả kinh doanh đơn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện nghĩa vụ với NSNN.

- Cung cấp những thông tin kinh tế cần thiết cho các đối tượng sử dụng thông tin liên quan. Định kỳ, tiến hành phân tích kinh tế hoạt động bán hàng, kết quả kinh doanh và tình hình phân phối lợi nhuận.

1.5. Kế toán tổng hợp quá trình bán hàng theo các phương thức bán.

1.5.1. Các tài khoản sử dụng.

1. TK 632- Giá vốn hàng bán.

Dùng để phản ánh giá vốn thực tế của hàng hoá, thành phẩm, dịch vụ đã cung cấp, giá thành sản xuất của xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) đã bán

trong kỳ. Ngoài ra còn phản ánh chi phí sản xuất kinh doanh và chi phí xây dựng cơ bản dơ dang vượt trên mức bình thường, số trích lập hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Nội dung phản ánh của TK 632- GVHB.

TK này có thể có số dư bên có: Phản ánh số tiền nhận trước hoặc số tiền dư đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng, khi nhập bảng cân đối kế toán phải lấy số dư chi tiếp của từng đối tượng TK này để ghi của 2 chỉ tiêu bên " Tài sản" và bên nguồn vốn.

TK 632- Giá vốn hàng bán

Trị giá vốn của sản phẩm hàng hoá dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.

- Phản ánh chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và CPSXC cố định không phân bổ, không được tính vào trị giá hàng tồn kho mà tính vào GVHB của kỳ kế toán.

- Phản ánh sự hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.

- Phản ánh chi phí xây dựng, tự chế hoàn thành.

- Phản ánh khoảng chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm trước.

TK 632- Giá vốn hàng hóa bán không có số dư.

- Phản ánh hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (31/12) (Chênh lệch giữa số phải trích lập dự phòng năm nay nhỏ hơn khoản đã lập dự phòng năm trước)
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển giá vốn sản phẩm , dịch vụ để xác định kết quả kinh doanh.

2.TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ một kỳ kế toán từ các giao dịch và các nghiệp vụ bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Nội dung và kết cấu phản ánh

TK 511- Doanh thu bán hàng và CCDV

| | |
|--|---|
| Số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu hoặc thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp của hàng hoá , dịch vụ trong kỳ kế toán. - Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng đã bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ. Kết chuyển doanh thu chuẩn hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ vào TK 911- XĐKQKD. | - Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ hạch toán. |
|--|---|

TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cuối kỳ không có số dư.

TK 511 có các tài khoản cấp 2:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá.
- TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm.
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá.
- TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.

3. TK 512- Doanh thu nội bộ.

Dùng để phản ánh của số sản phẩm , hàng hoá dịch vụ bán trong nội bộ các doanh nghiệp .

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 512- Doanh thu nội bộ.

TK 512 - Doanh thu nội bộ

| | |
|---|--|
| <p>Số thuế tiêu thụ đặc biệt xuất GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp của hàng bán nội bộ.</p> <p>Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, kết chuyển cuối kỳ. Trị giá hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ kết chuyển doanh thu thuần hoạt động bán hàng vào cung cấp dịch vụ vào TK 911- XĐKQKD.</p> | <p>- Doanh thu bán nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ hạch toán.</p> <p>TK 512- Giá vốn hàng hóa bán không có số dư.</p> |
|---|--|

4. TK 531- Hàng bán bị trả lại.

Dùng để phản ánh doanh thu của một số hàng hoá , thành phẩm lao vụ, dịch vụ bán nhưng bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế , hàng bị mất hoặc kém phẩm chất, sai quy tắc, không đúng chủng loại.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 531- Hàng bán bị trả lại.

TK 531- Hàng bán bị trả lại

| | |
|--|---|
| <p>Trị giá hàng bán bị trả lại, đã trả tiền cho người mua hàng hoặc tính vào khoản nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán ra.</p> | <p>Kết chuyển trị giá của hàng bị trả lại vào TK 511- Doanh thu bán hàng cung cấp và dịch vụ hoặc TK 521- Doanh thu nội bộ để xác định doanh thu thuần trong kỳ kế toán.</p> <p>TK 531- không có số dư.</p> |
|--|---|

5. TK 532- Giảm giá hàng bán

Dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán trực tiếp phát sinh trong kỳ kế toán.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 532- Giảm giá hàng bán.

TK 532- giảm giá hàng bán .

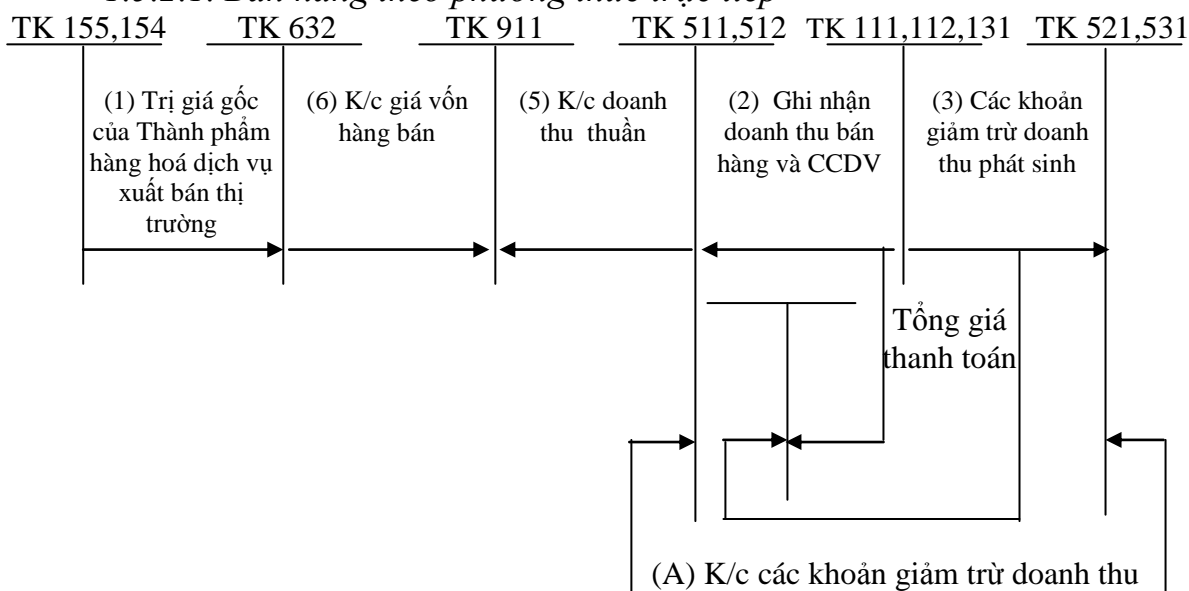
Giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng.

Kết chuyển các khoản giảm giá hàng bán vào bên Nợ TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc TK 521- Doanh thu nội bộ.
TK 532 không có số dư.

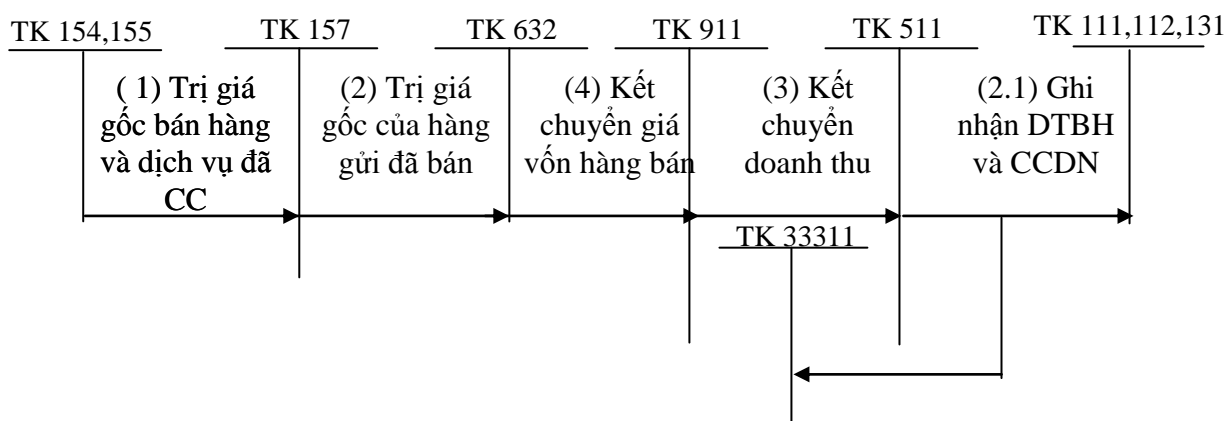
TK 532- Giảm giá hàng bán không có dư

1.5.2. Kế toán bán hàng theo các phương pháp bán hàng chủ yếu.

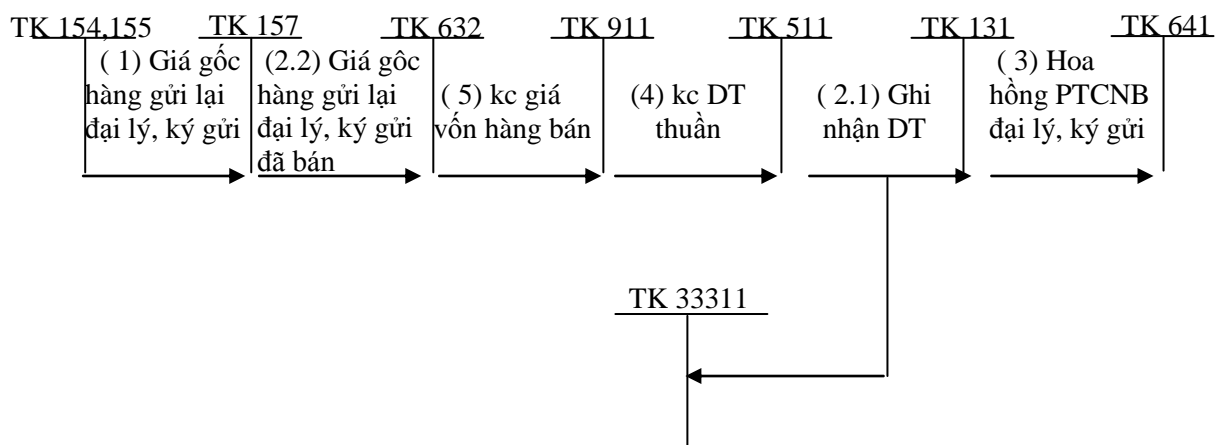
1.5.2.1. Bán hàng theo phương thức trực tiếp



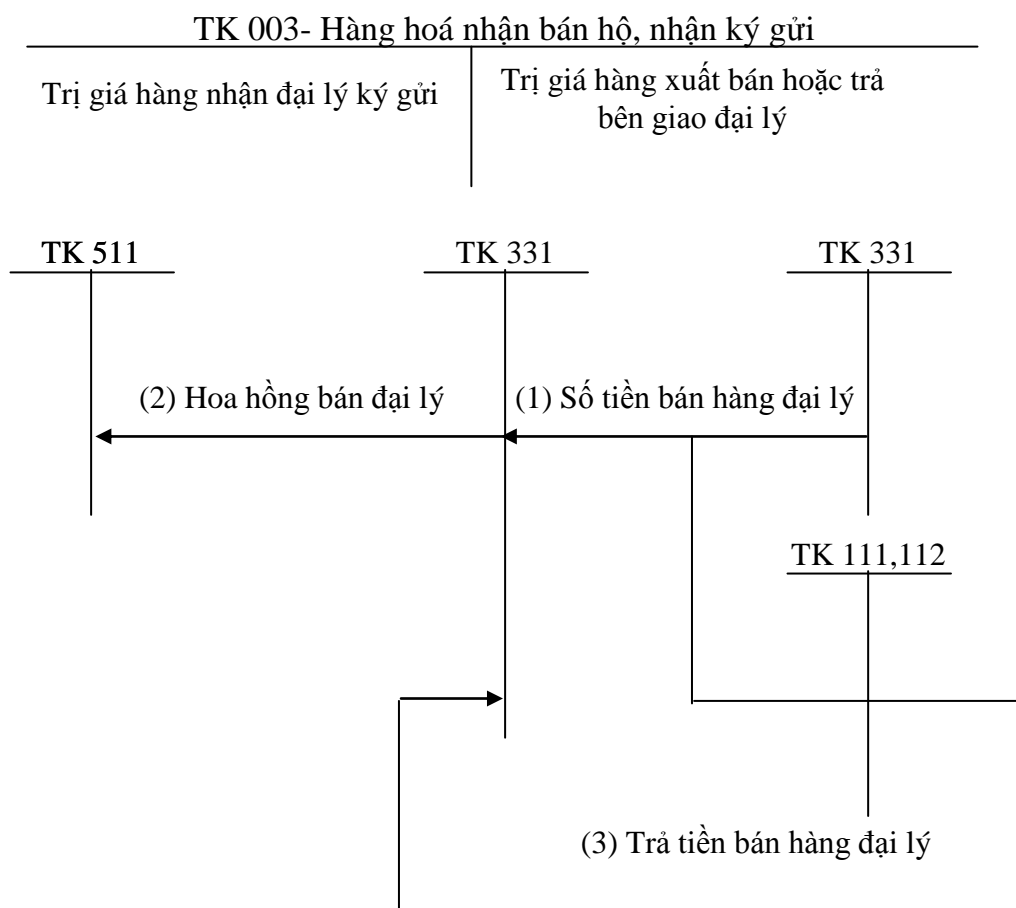
1.5.2.2. Kế toán bán hàng theo phương thức gửi hàng đi bán gửi đại lý, ký gửi



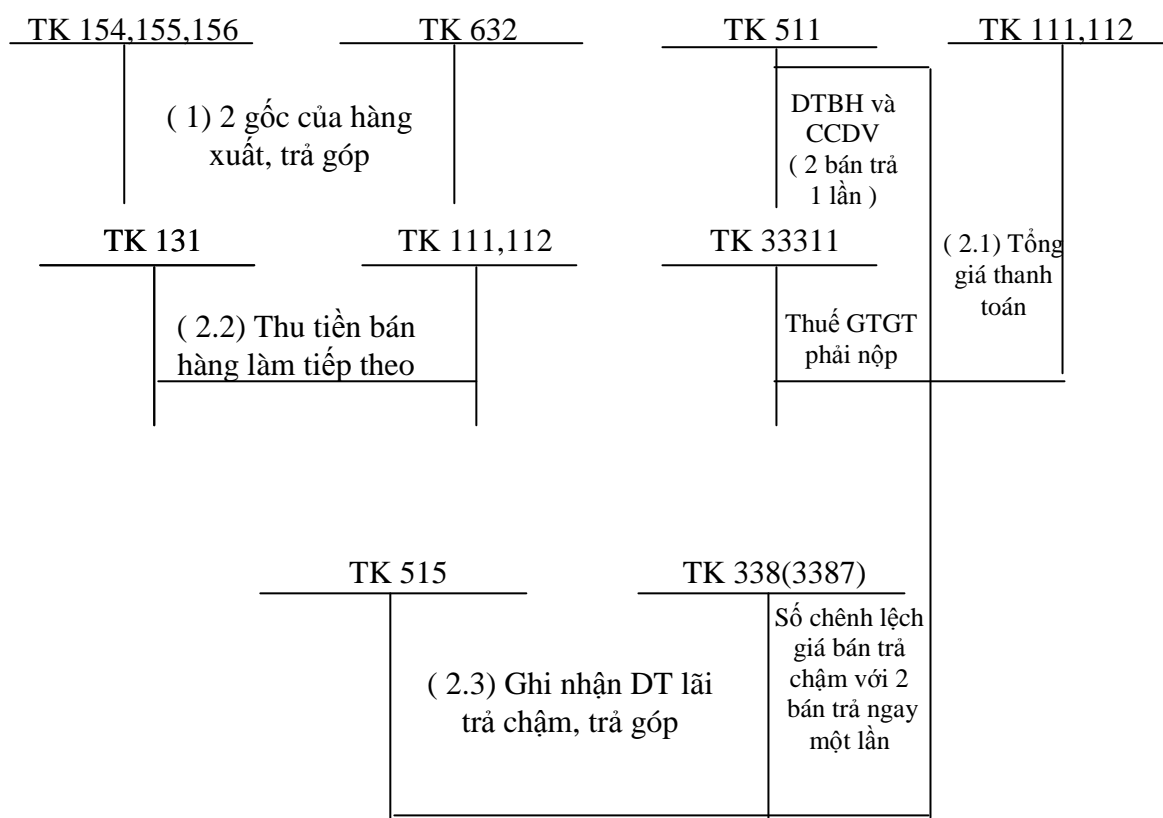
*** Kế toán bán hàng giao đại lý**



*** Kế toán bán hàng bên nhận đại lý**



1.5.2.3. Kế toán bán hàng theo phương thức bán hàng trả chậm, trả góp.



1.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:

1.6.1. Kế toán chi phí bán hàng:

1.6.1.1. Khái niệm và nội dung của chi phí bán hàng.

* Khái niệm: Chi phí bán hàng là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bảo quản và tiến hành hoạt động bán hàng bao gồm: Chi phí chào hàng, chi phí bảo hành sản phẩm hàng hoá hoặc công trình xây dựng đóng gói vận chuyển.

* Nội dung : chi phí bán hàng được quản lý và hạch toán theo yếu tố chi phí.

- Chi phí nhân viên(TK 6411): Phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên đóng gói, bảo quản vận chuyển sản phẩm hàng hoá ... bao gồm: tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp tiền ăn giữa ca, các khoản trích KPCĐ, BHXH, BHYT.

- Chi phí vật liệu bao bì(TK 6412) Phản ánh các chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc giữ gìn, tiêu thụ sản phẩm hàng hoá , chi phí vật liệu, nguyên liệu dùng cho bảo quản bóc tách vận chuyển, sản phẩm hàng hoá trong quá trình bán hàng vật liệu dùng ch sửa chữa bảo quảnTCCĐ... của DOANH NGHIỆP.

- Chi phí dụng cụ, đồ dùng(TK 6413): Phản ánh các chi phí về công cụ phục vụ cho hoạt động bán sản phẩm , hàng hoá : Dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc...

- Chi phí khấu hao TSCĐ (TK 6414): Phản ánh các chi phí khấu hao TSCĐ ở bộ phận bảo quản, bán hàng như: Nhà kho, cửa hàng, phương tiện bốc dỡ vận chuyển, phương tiện tính toán đo lường, kiểm nghiệm chất lượng.

- Chi phí bảo hành (TK 6415): Phản ánh các khoản chi phí liên quan đến bảo hành sản phẩm hàng hoá , công trình xây dựng.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài (TK 6417): Phản ánh các chi phí mua ngoài phục vụ cho hoạt động bán hàng: Chi phí thuê ngoài sửa chữa TSCĐ, tiền thuê kho, thuê bãi, tiền thuê bốc vác, vận chuyển, hoa hồng cho đại lý bán hàng cho các đơn vị nhận ủy thác xuất khẩu.

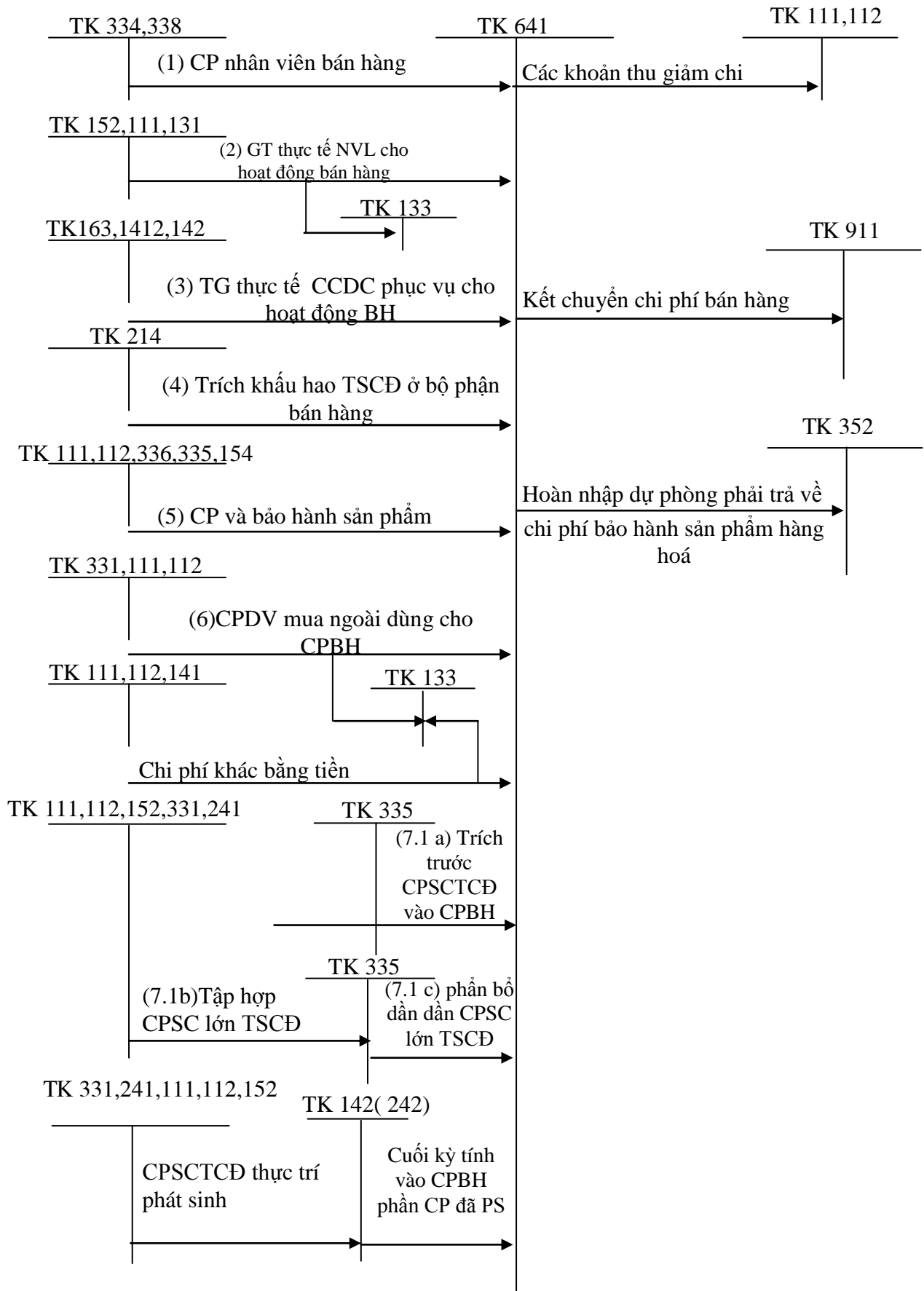
Chi phí tiền khác (TK 6418): Phản ánh các chi phí phát sinh trong khâu bán hàng ngoài các chi phí kể trên như: Chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, chi phí cho lao động nữ...

1.6.1.2. Tài khoản kế toán sử dụng: TK 641- Chi phí bán hàng TK 641- Chi phí bán hàng: Dùng để tập hợp kết chuyển các chi phí thực tế phát sinh trong hoạt động bán sản phẩm hàng hoá cung cấp dịch vụ.

Kết cấu nội dung phản ánh của TK 641- Chi phí bán hàng.

| TK 641- Chi phí bán hàng | |
|---|---|
| Tập hợp chi phí phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm , hàng hoá cung cấp lao động dịch vụ. | <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản giảm chi phí bán hàng - Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911 xác định kết quả kinh doanh , để tính kết quả kinh doanh trong kỳ |
| TK 641 không có số dư | |

1.6.1.3. Kế toán các nghiệp vụ chủ yếu



1.6.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.*1.6.2.1. Khái niệm và nội dung quản lý doanh nghiệp.**** Khái niệm:**

Chi phí QLDN là chi phí quản lý chung cho doanh nghiệp bao gồm: Chi phí quản lý hành chính, chi phí tổ chức và quản lý sản xuất phát sinh trong phạm vi toàn doanh nghiệp.

*** Nội dung:**

- Chi phí nhân viên quản lý (TK6421): Phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ quản lý doanh nghiệp bao gồm: Tiền lương, tiền công và các khoản tiền phụ cấp, tiền ăn giữa ca, các khoản trích KPCD, BHYT, BHXH.

- Chi phí vật liệu quản lý (6422): Phản ánh các chi phí vật liệu, xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như: Giấy, bút, mực... vật liệu sử dụng cho việc sửa chữa TSCĐ, CCDC...

- Chi phí đồ dùng văn phòng (TK6423): Phản ánh chi phí CCDC đồ dùng cho công tác quản lý (giá có thuế hoặc chưa thuế GTGT).

- Chi phí khấu hao tài TSCĐ (TK6424): Phản ánh các chi phí TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp: Nhà cửa làm việc của các phòng ban, kho tàng vật kiến trúc, phương tiện truyền dẫn, máy móc thiết bị quản lý dùng trên văn phòng...

Thuế, phí và lệ phí (TK 6425): Phản ánh chi phí về thuế, lệ phí như: thuế môn bài, thuế nhà đất và các khoản nhà đất và các khoản phí, lệ phí khác.

- Chi phí dự phòng (TK 6426): Phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi tính vào chi phí sản xuất của doanh nghiệp.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài (TK 6427): Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ chung toán doanh nghiệp như: Các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế, giấy phép chuyển giao công nghệ nhãn hiệu thương mại...

- Chi phí bằng tiền khác (TK 6428): Phản ánh các chi phí khác phát sinh thuộc quản lý chung toàn doanh nghiệp, ngoài các chi phí kể trên như: Chi phí tiếp khách chi phí hội nghị, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ...

1.6.2.2. Tài khoản kế toán sử dụng: TK 642- Chi phí QLDN.

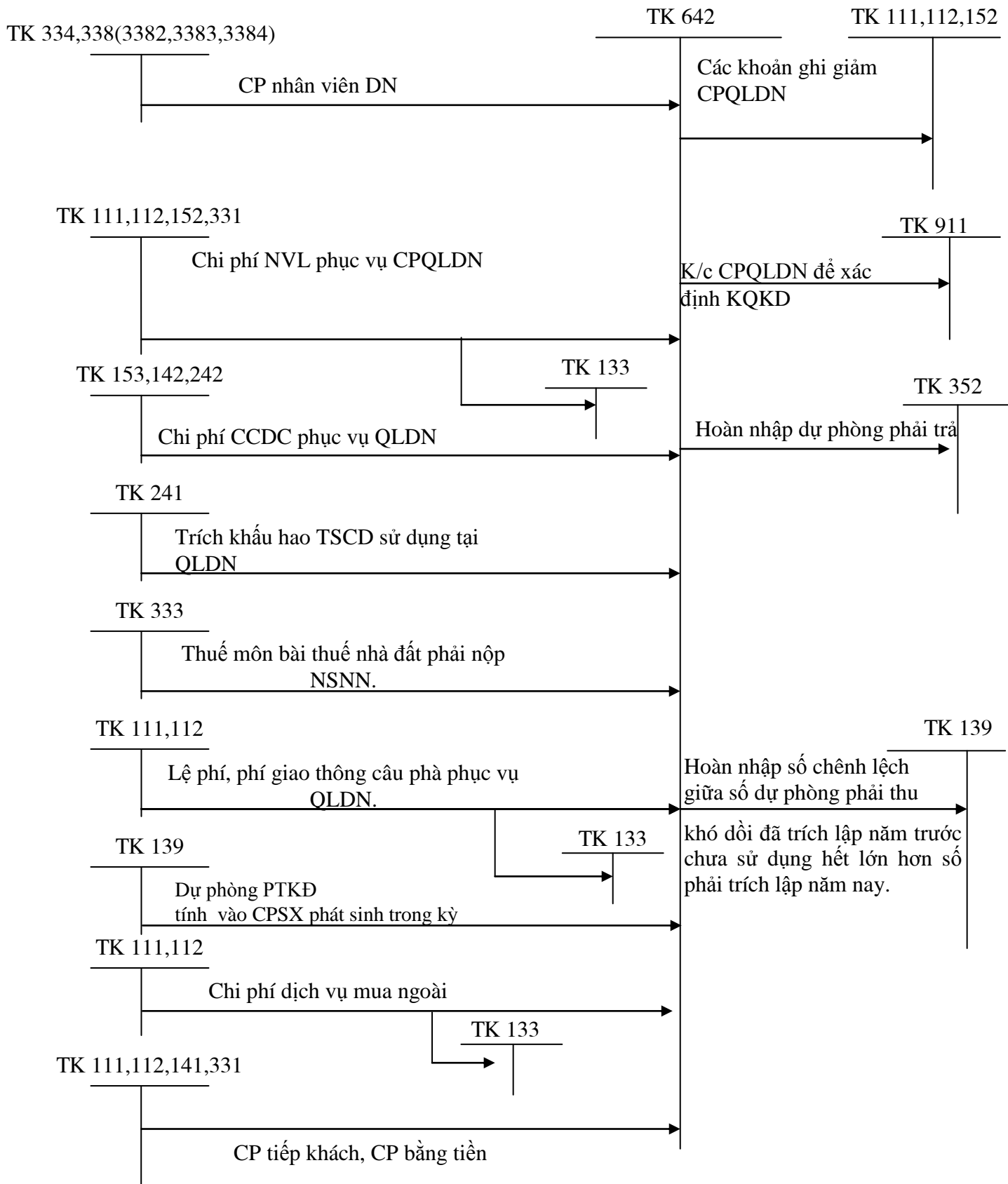
TK 642. Chi phí quản lý doanh nghiệp sử dụng để tập hợp và kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ kế toán.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

| RK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp | |
|---|--|
| Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ | Các khoản giảm chi phí quản lý doanh nghiệp. - Cuối kỳ, kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp để xác định quyết quả kinh doanh hoặc chờ kết quả |

TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp không có số dư.

1.6.2.3. Sơ đồ hạch toán TK 642.



1.6.3. Kế toán chi phí và thu nhập hoạt động tài chính:

1.6.3.1. Khái niệm hoạt động tài chính: Hoạt động tài chính là hoạt động giao dịch liên quan đến đầu tư tài chính, cho vay vốn, góp vốn liên doanh, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, giao dịch bán chứng khoán, lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ.

1.6.3.2. Nội dung chi phí, thu nhập hoạt động TC.

1.6.3.2.1. Chi phí tài chính: Bao gồm các khoản chi phí liên quan đến hoạt động TC.

- Các khoản chi phí của hoạt động tài chính.
- Các khoản số do thanh toán, các khoản đầu tư ngắn hạn.
- Các khoản rõ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại do số dư cuối kỳ của các khoản phải thu dài hạn và phải trả có gốc ngoại tệ.

- Khoản rõ do phát sinh bán ngoại tệ.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Chi phí đất chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng được xác định đã bán.
- Chi phí tài chính khác.

1.6.3.2.2. Doanh thu hoạt động tài chính: Bao gồm những khoản doanh thu liên quan đến hoạt động tài chính.

- Tiền lãi, tiền gửi, lãi cho vay vốn, lãi bán hàng trả chậm trả góp.

Doanh thu từ cho thuê TS, cho người khác sử dụng tài chính (bằng phát minh, sáng chế, nhãn hiệu thương mại bản quyền tác giả, phần mềm máy tính...)

- Lợi nhuận được chia
- Doanh thu hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán ngắn hạn.
- Doanh thu chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng.
- Doanh thu về các hoạt động đầu tư khác.
- Chênh lệch giá do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn

- Doanh thu hoạt động tài chính khác.

1.6.3.3. Tài khoản sử dụng: TK 515.

* TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính. Được dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền tổ chức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính của chức năng.

Bên nợ:- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)

- K/c doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911- XĐKQKD.

Bên có: Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

* TK 635- Chi phí tài chính.

Được sử dụng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và cuối kỳ để kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định KQKD.

Bên nợ: - Các khoản chi phí của hoạt động tài chính.

- Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn.

Các khoản lỗ chênh lệch về tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế trong kỳ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản phải thu dài hạn có gốc ngoại tệ.

- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ.

- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

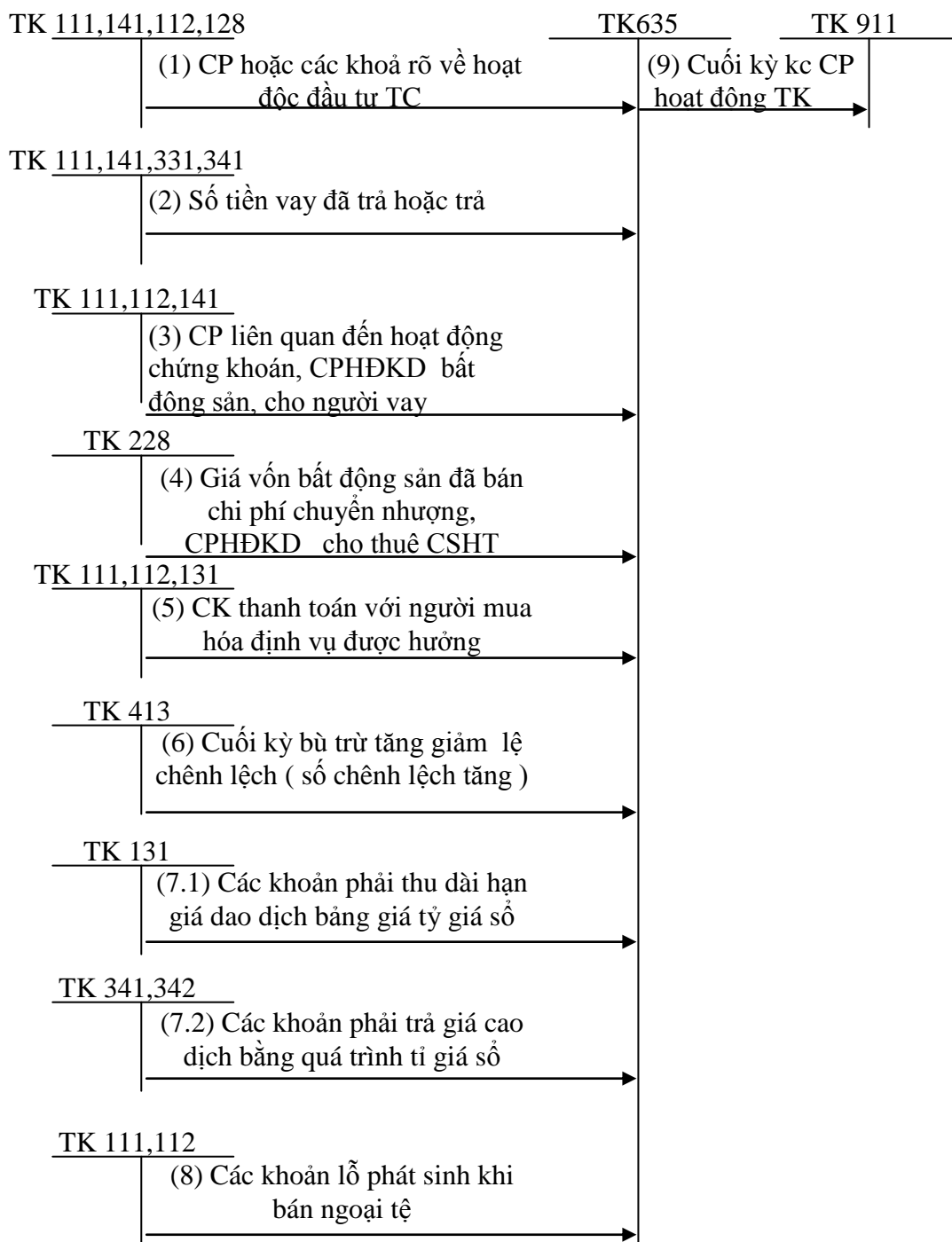
- Chi phí chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng được xác định là tiêu thụ.

Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh .

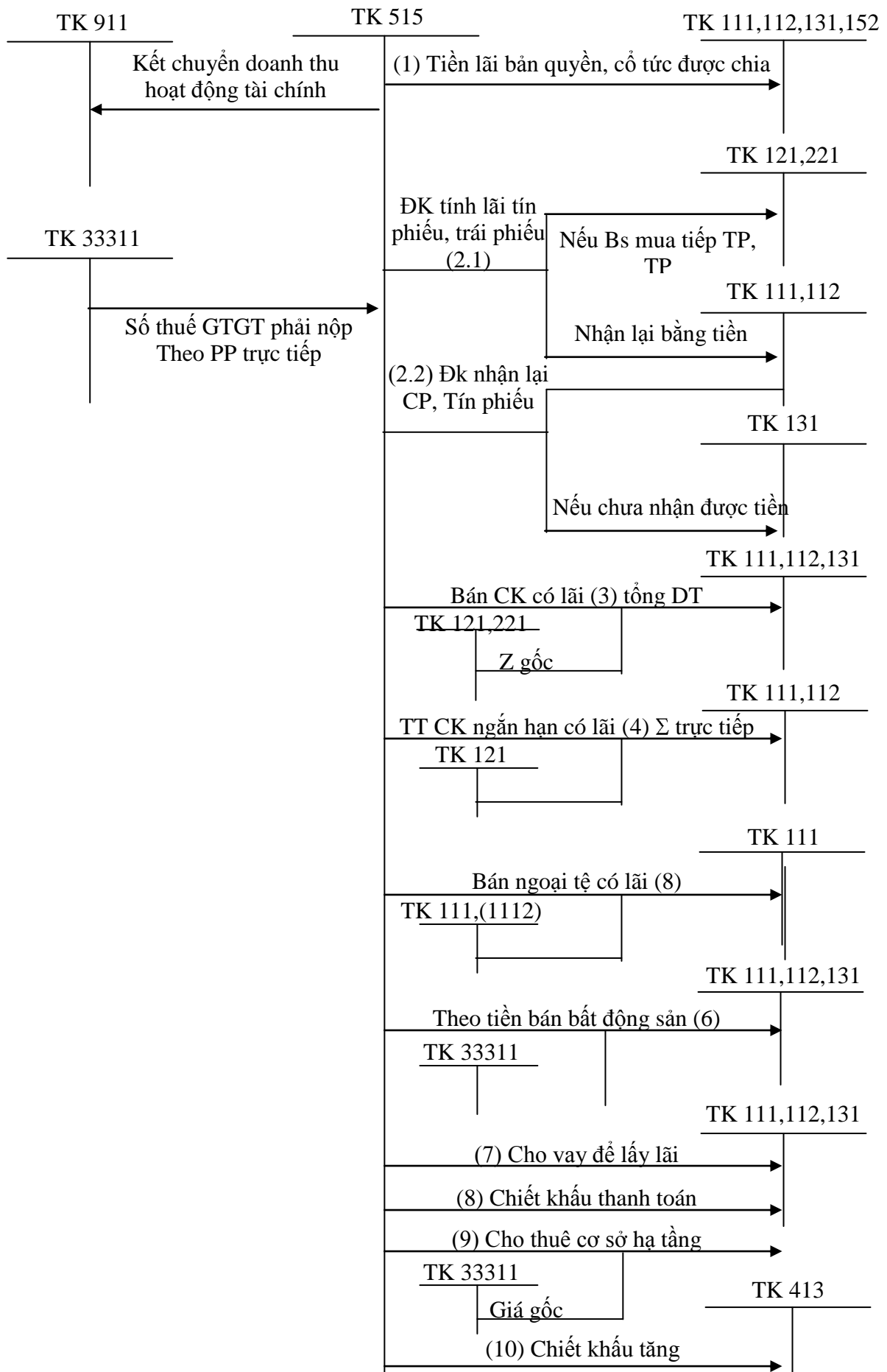
TK 635 - Cuối kỳ không có số dư.

1.6.3.4. Kế toán các nghiệp vụ chủ yếu.

* Sơ đồ tổng hợp kế toán chi phí hoạt động tái chính.



*Sơ đồ kế toán: Doanh thu hoạt động tài chính



1.6.4. Chi phí và thu nhập hoạt động khác.*1.6.4.1. Chi phí khác.*

Là những khoản lỗ do các sự kiện hay nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra. Cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước.

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có)
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng: bị phạt thuế, chi thu thuế.
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hay bỏ sót khi ghi sổ kế toán.
- Các khoản chi phí khác.

1.6.4.2. Thu nhập khác.

Là những khoản thu góp nhằm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu như:

- Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
 - Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng.
 - Thu tiền bảo hiểm được bồi thường.
 - Thu được các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
 - Các khoản thuế được Ngân sách Nhà Nước hoàn lại.
 - Các khoản tiền thưởng của khách hàng.
 - Thu nhập do nhận tặng, biếu bằng tiền, hiện vật của tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
 - Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị sót lại quyền ghi sổ kế toán, mới phát hiện ra năm nay.
 - Cuối năm kết chuyển chênh lệch giữa số đã tính trước và các khoản thực tế đã chi thuộc nội dung tính trước.
 - Các chi phí khác.
- 1.6.4.3. Tài khoản sử dụng.*
- * TK 711- Thu nhập khác.

TK 711- Thu nhập khác sử dụng để phản ánh các khoản thu nhập ngoài các hoạt động và giao dịch tạo ra doanh thu của doanh nghiệp .

Nội dung - kết cấu:

Bên nợ: Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác nếu (có)

- Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu khác trong kỳ sang TK911 xác định KQKD .

Bên có: Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

TK 711- Thu nhập khác cuối kỳ không có số dư.

* TK 811- Chi phí khác.

TK 811- Chi phí khác sử dụng để phản ánh các khoản ghi của các sự kiện hay có nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp .

Nội dung- kết cấu:

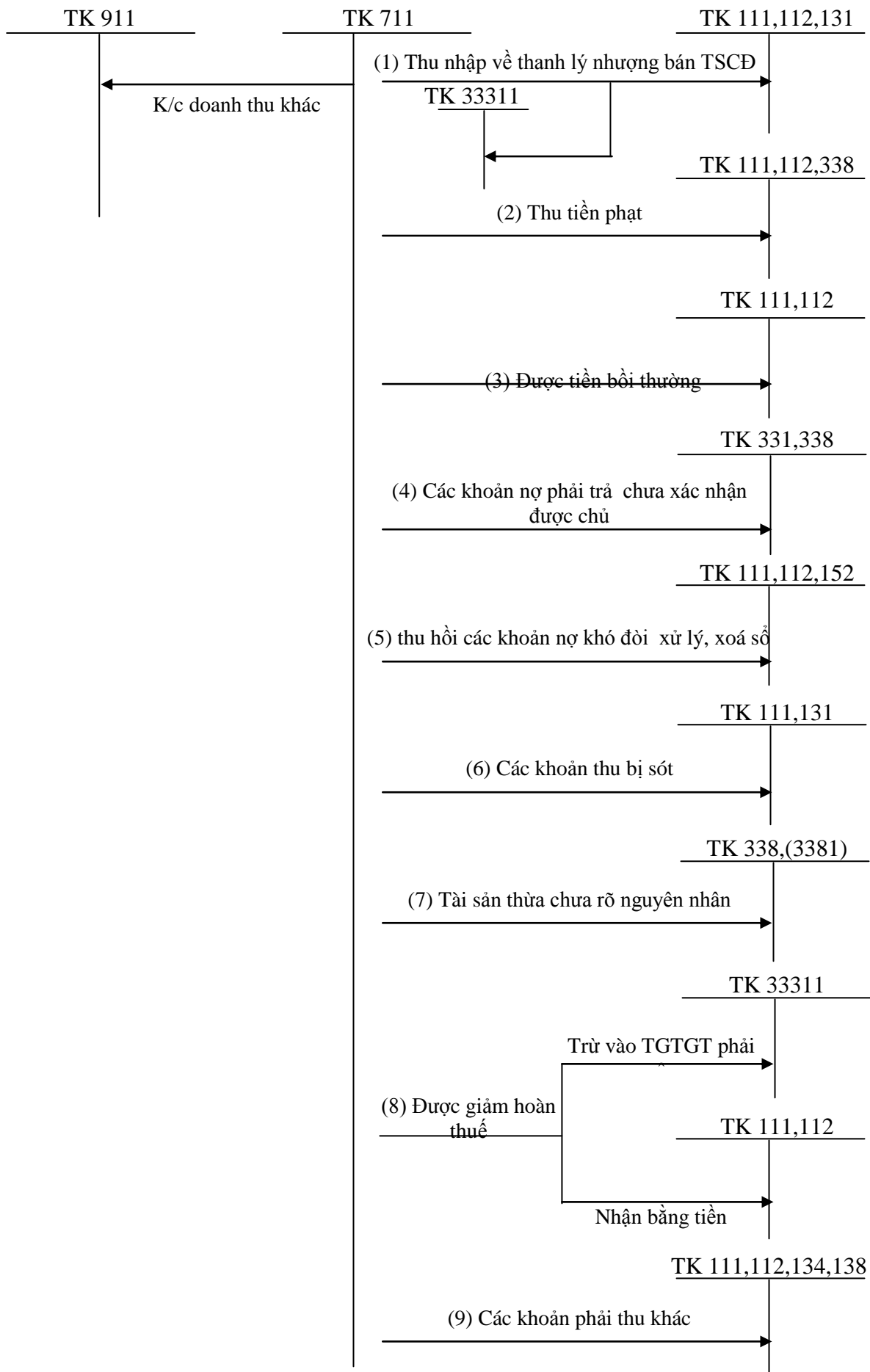
Bên nợ: Các khoản chi phí khác phát sinh.

Bên có: cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911- XĐKQHD

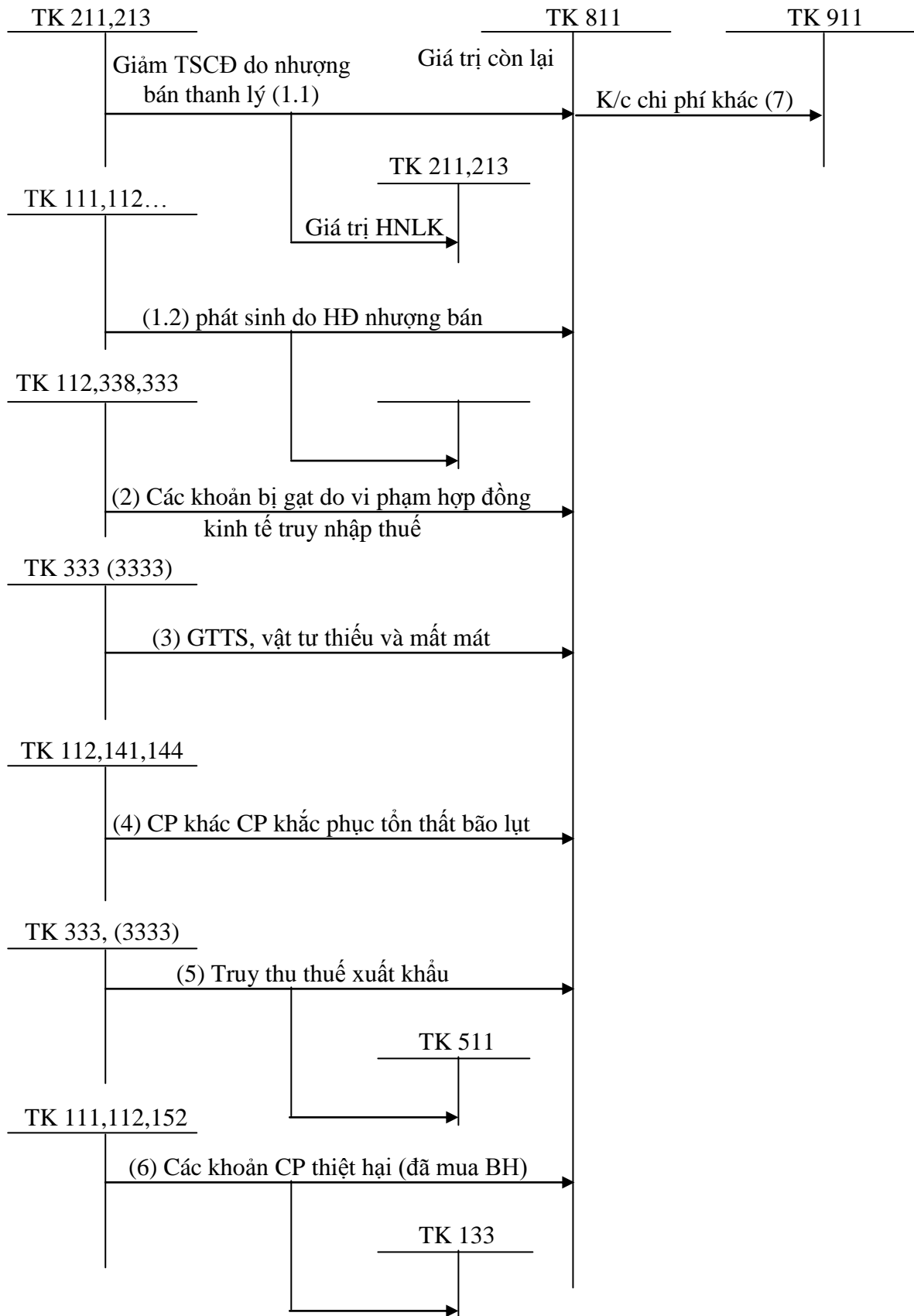
TL 811 - Chi phí khác cuối kỳ không có số dư

1.6.4.4. Kế toán các nghiệp vụ chủ yếu.

* Sơ đồ hạch toán thu nhập khác.



* Sơ đồ hạch toán: Chi phí khác



1.6.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.6.5.1. Tài khoản kế toán sử dụng: TK 911 xác định kết quả kinh doanh.

TK 911- Xác định kết quả kinh doanh được sử dụng để xác định toàn bộ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

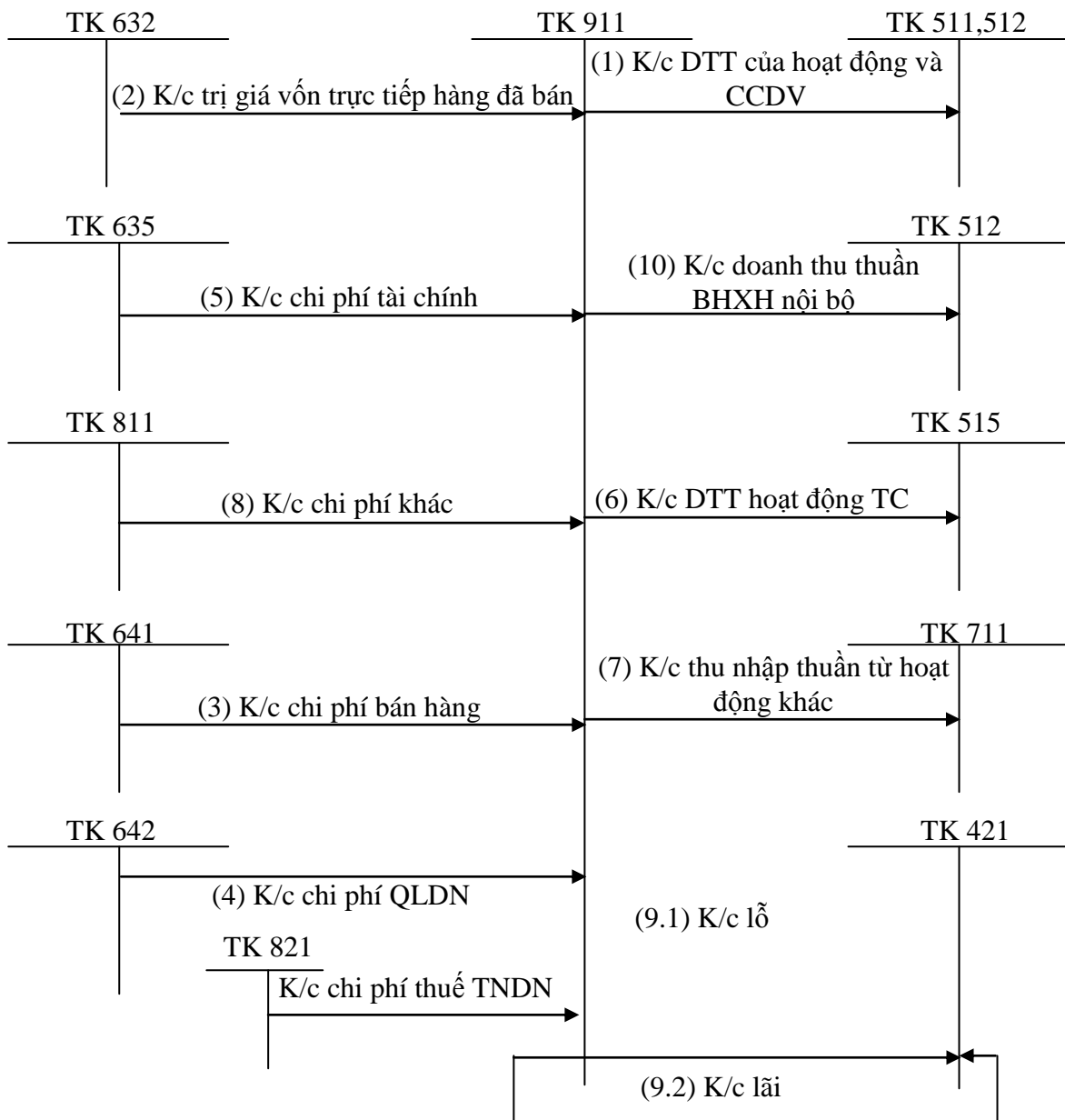
Kết cấu và nội dung của TK 911- Xác định kết quả kinh doanh .

TK 911- Xác định quyết quả kinh doanh

| | |
|---|---|
| Trị giá của sản phẩm hàng hoá đã bán và dịch đã cung cấp. - Chi phí bán hàng, sau chi phí quản lý doanh nghiệp . - Chi phí tài chính. - Chi phí khác . Số lợi nhuận trước thuế của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ | - Doanh thu thuần hoạt động bán hàng và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ. - Doanh thu hoạt động tài chính. - Thu nhập khác. - Số lỗ của hoạt động sản xuất , kinh doanh trong kỳ |
|---|---|

TK 911- Xác định kết quả kinh doanh không có số dư.

1.6.5.2. Sơ đồ hạch toán các nghiệp vụ chủ yếu



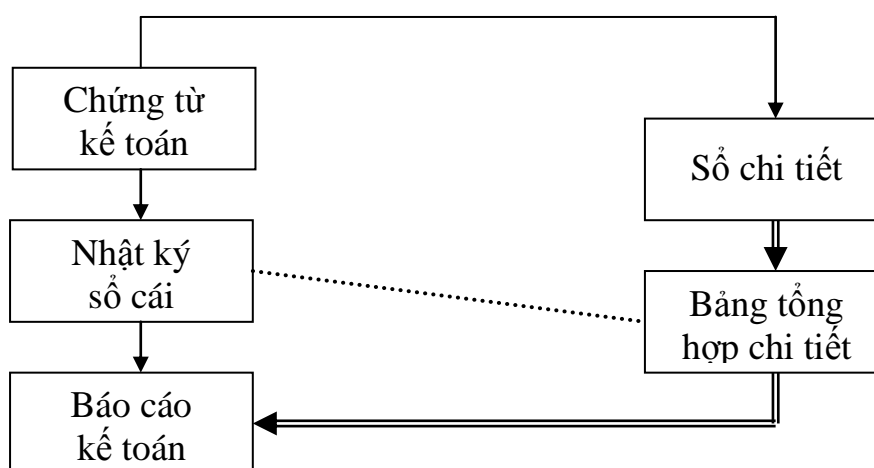
1.7. HÌNH THỨC SỔ:

Có 4 hình thức sổ:

1.7.1. Nhật ký sổ cái:

Là sổ dùng để ghi tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian một cách có hệ thống trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất.

Sơ đồ 1.9 - TRÌNH TỰ GHI SỔ NHẬT KÝ SỔ CÁI

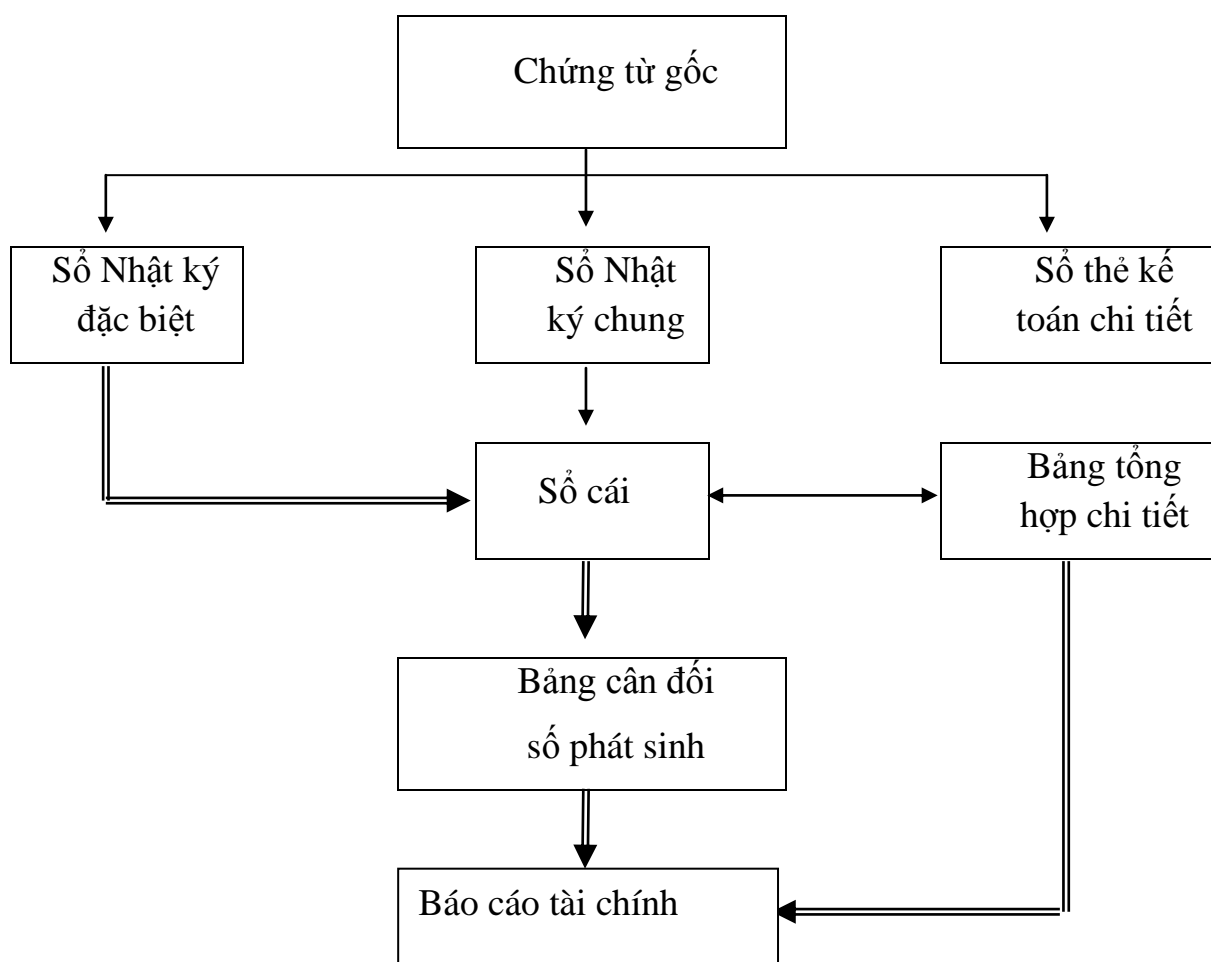


Ghi chú: Ghi trong ngày → Ghi cuối kỳ ⇒ Đối chiếu

1.7.2. Nhật ký chung:

Dùng để ghi tất cả các nghiệp vụ kinh tế theo thời gian vừa để bảo quản chứng từ kế toán vừa để định khoản làm căn cứ ghi vào sổ cái.

Sơ đồ 1.10 - TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG



Ghi chú: Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng

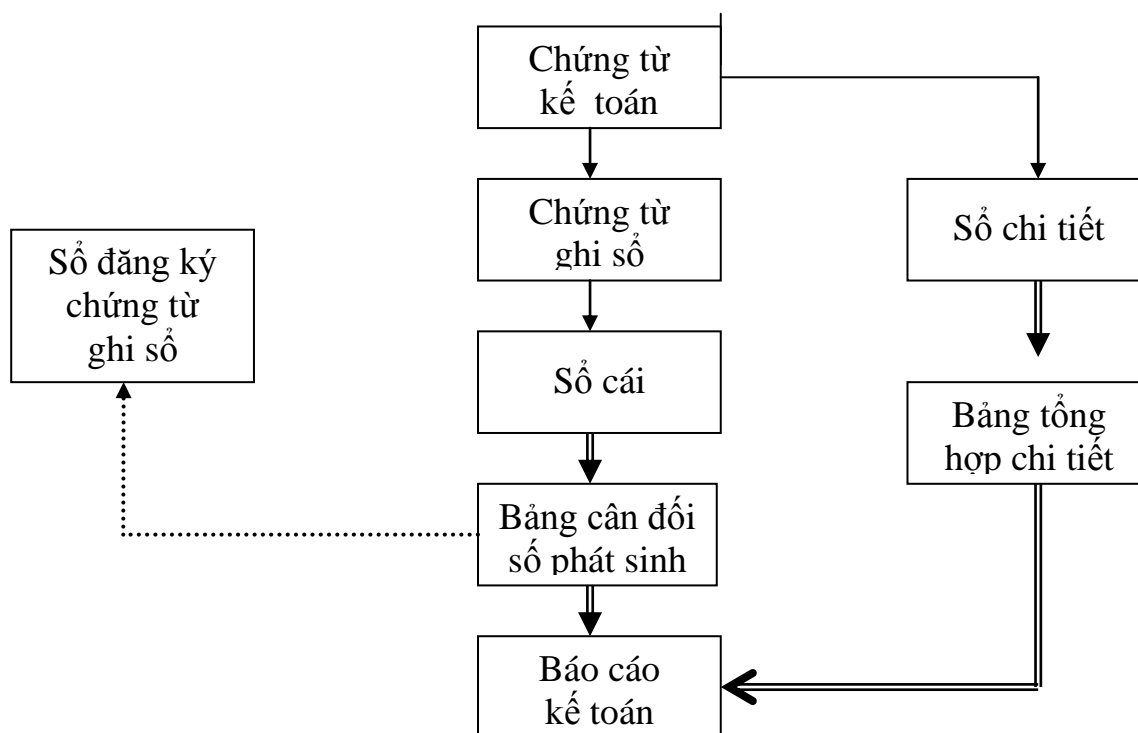
Quan hệ đối chiếu



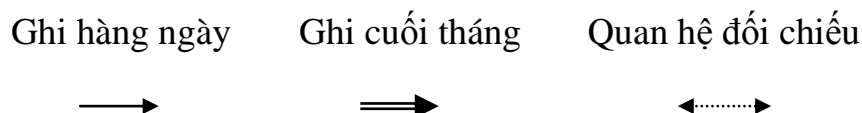
1.7.3. Chứng từ ghi sổ:

Dùng để ghi tất cả các nghiệp vụ kinh tế theo thời gian vừa để bảo quản chứng từ kế toán vừa để định khoản làm căn cứ ghi vào sổ cái.

Sơ đồ 1.11 - TRÌNH TỰ GHI SỔ CHỨNG TỪ GHI SỔ



Ghi chú:

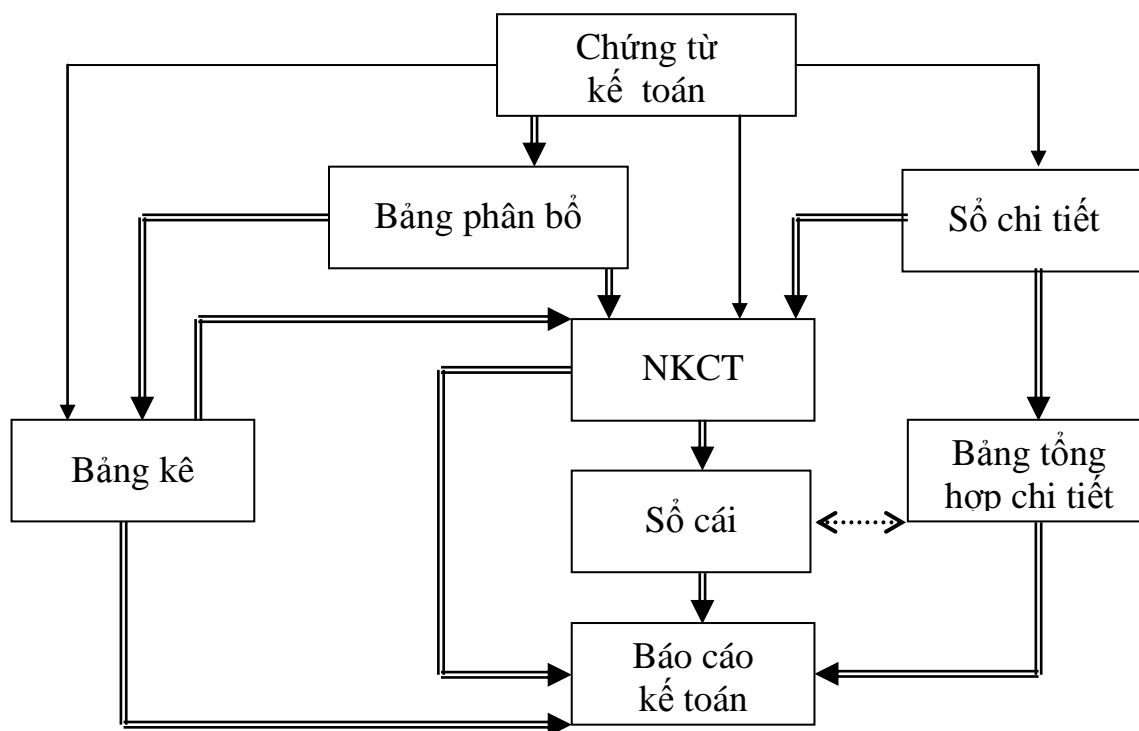


1.7.4. Nhật ký chứng từ:

Là sổ kế toán tổng hợp ghi nghiệp vụ kinh tế theo thời gian và theo hệ thống. Trên NKCT nghiệp vụ kinh tế được mở theo về có tài khoản; có thể mở một NKCT theo bên có của một TK hoặc có thể mở một NKCT theo bên có của nhiều TK. NKCT là căn cứ duy nhất để vào sổ cái.

Trình tự ghi sổ được thể hiện rõ hơn thông qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.12 - TRÌNH TỰ GHI SỔ NHẬT KÝ CHỨNG TỪ

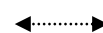


Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng

Quan hệ đối chiếu



CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN AN PHÁT

2.1. Khái quát về công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát

Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát (APS) – Một trong những doanh nghiệp kiểm toán Việt Nam đầu tiên thành lập theo nghị định số 105/NĐ-CP ngày 30 tháng 03 năm 2004 của Chính phủ ban hành qui chế kiểm toán độc lập trong nền kinh tế quốc dân

Một số thông tin tóm tắt về công ty:

Giám đốc: Bà Trần Thị Minh Tần

Tên giao dịch: Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát

Trụ sở: số 161 Bạch Đằng - Hồng Bàng - Hải Phòng

Điện thoại: (031)3539666

Số fax: (031)3539789

Email: Aps@vnn.vn

Vốn điều lệ : 1.000.000.000VND(Một tỷ đồng chẵn)

2.1.1.1. Chức năng, mục đích và nhiệm vụ của công ty

2.1.1.1.1. Mục đích, chức năng của doanh nghiệp

Để cung cấp những thông tin kinh tế tài chính cho các thành viên góp vốn trong doanh nghiệp giúp cho các thành viên này đưa ra các quyết định về quyền lợi và các nghĩa vụ tài chính thì các thông tin này cần được đảm bảo ở mức độ tin cậy cao do vậy Báo cáo tài chính cần được xem xét, xác nhận để đảm bảo tính khách quan chính xác.

Mặt khác, công ty thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, những quy định hiện hành của Việt Nam và chuẩn mực kiểm toán Quốc tế được thừa nhận ở Việt Nam.

Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát (APS) sẽ tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính theo yêu cầu của doanh nghiệp, kiểm toán tuân thủ của báo cáo tài chính với các quy định về tài chính, kế toán, thuế của Chính Phủ Việt Nam. Cụ thể:

- Đưa ra ý kiến độc lập của mình về công tác kế toán của Doanh nghiệp (việc ghi chép, quản lý sổ sách kế toán và lưu trữ cá chứng từ kế toán, về tính hợp lý và hợp lệ của chứng từ kế toán).

- Rà soát quy trình kế toán, lập báo cáo tài chính tại đơn vị, phát hiện những điểm còn sai sót (nếu có) trong công tác kế toán và công tác quản lý tài chính Công ty, nêu rõ nguyên nhân và tư vấn, đề xuất các biện pháp khắc phục (tham chiếu đến các quy định mới nhất về thuế và kế toán Việt Nam).

Quá trình kiểm toán và tư vấn kế toán tập trung chủ yếu vào các nội dung chính sau:

- Soát xét hệ thống kiểm soát nội bộ
- Kiểm tra việc sử dụng vốn và quản lý tài sản
- Xác định thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh
- Về chi phí chúng tôi sẽ chỉ rõ những khoản chi phí tăng thêm hoặc giảm đi khi xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Kiểm tra nghĩa vụ nộp thuế
- Trách nhiệm pháp lý về các khoản công nợ phải thu phải trả
- Kiểm tra việc thực hiện hệ thống tài chính và kế toán dựa trên chuẩn mực kiểm toán Việt Nam

Kết quả kiểm toán và tư vấn kế toán:

Toàn bộ hệ thống sổ kế toán, tài liệu kế toán được hoàn thiện ở mức tối ưu nhất, mang lại sự yên tâm nhất cho Doanh nghiệp.

Căn cứ trên các kết luận rút ra từ các bằng chứng thu thập được trong quá trình thực hiện cuộc kiểm toán, công ty TNHH kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát (APS) sẽ cung cấp:

- Báo cáo tài chính được kiểm toán lập trên cơ sở kế toán Việt Nam và tham chiếu đến kế toán quốc tế có thể có các mẫu biểu kế toán quản trị theo yêu cầu của công tác quản lý của đơn vị.

Báo cáo kiểm toán được lập dựa trên cơ sở chế độ kế toán Việt Nam và các chuẩn mực kiểm toán quốc tế chung được chấp nhận tại Việt Nam.

2.1.1.1.2. Mục tiêu kinh doanh

Mục tiêu kinh doanh của công ty là mong muốn đảm nhiệm vai trò quan trọng trong việc cung cấp các dịch vụ chuyên ngành có chất lượng cao cho hệ thống khách hàng trong nước, liên doanh và quốc tế đang hoạt động tại Việt Nam. Để thực hiện được mong muốn này, công ty luôn đặt ra yêu cầu rất cao cho bản thân trong việc thích ứng với những thách thức mới, những thay đổi về luật định, năng động đón đầu thời cơ và tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên được phát huy khả năng sáng tạo và phương pháp làm việc hiệu quả nhằm đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng và mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng.

2.1.1.1.3. Nguyên tắc hoạt động

Nhằm đảm bảo cung cấp các dịch vụ có chất lượng tốt nhất, công ty TNHH kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát (APS) luôn tôn trọng nguyên tắc: **độc lập, trung thực, khách quan, bảo mật**; đồng thời tuân thủ các quy định của Nhà nước Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, do Nhà Nước ban hành cũng như các chuẩn mực kiểm toán quốc tế được chấp nhận chung. Bên cạnh đó công ty luôn đặt lợi ích hợp pháp của khách hàng lên hàng đầu.

2.1.1.1.4. Mục tiêu hoạt động

Mục tiêu hoạt động của công ty là cung cấp các dịch vụ chuyên ngành tốt nhất, đảm bảo quyền lợi cao nhất cho khách hàng. Công ty luôn cung cấp cho khách hàng những thông tin với độ tin cậy cao cho công tác quản lý kinh tế tài chính và điều hành công việc sản xuất kinh doanh để mang lại hiệu quả kinh doanh

cao nhất. Hơn thế nữa với những kinh nghiệm thực tiễn về chuyên ngành, gần gũi với khách hàng, tận tình, thông thạo nghiệp vụ và hiểu biết thực tế, công ty am hiểu các yêu cầu trong kinh doanh, các khó khăn mà các nhà kinh doanh gặp phải và hỗ trợ khách hàng giải quyết tốt nhất các vấn đề mà ít có một tổ chức dịch vụ chuyên ngành nào có thể thực hiện được.

2.1.1.1.5. Ưu đãi dành cho khách hàng

Công ty luôn cung cấp miễn phí các loại văn bản liên quan đến các lĩnh vực tài chính, kế toán và thuế.....có liên quan tới hoạt động của doanh nghiệp.

Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn kế toán AN PHÁT(APS) có quan hệ chặt chẽ và nhận được sự ủng hộ của các cơ quan quản lý Nhà Nước tại địa phương như UBND thành phố, Cục Thuế, Sở Kế hoạch và Đầu Tư, Sở Tài chính vật giá.....cũng như các cơ quan Trung Ương như Tổng cục Thuế, Vụ chế độ kế toán-Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và đầu tư.....Với đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp giỏi nghiệp vụ và nhiều kinh nghiệm công tác, công ty sẵn sàng giúp doanh nghiệp tháo gỡ các vướng mắc trong lĩnh vực tài chính, kế toán, thuế....

Công ty thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, phổ biến các chính sách, chế độ kế toán, tài chính, thuế...miễn phí cho các khách hàng, không những giúp các doanh nghiệp cập nhật những thông tin mới nhất trong lĩnh vực tài chính, kế toán và thuế mà còn có điều kiện trực tiếp trao đổi những vướng mắc trong hoạt động với các cơ quan chức năng.

2.1.1.2. Những thuận lợi và khó khăn mà công ty gặp phải trong quá trình hoạt động.

- Giai đoạn đầu khi mới thành lập, công ty chỉ có một phòng Nghiệp vụ, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực Kiểm toán Báo cáo tài chính (BCTC). Sau 06 năm, công ty đã dần mở rộng cả về quy mô lẫn lĩnh vực hoạt động. Không chỉ bó hẹp trong phạm vi Kiểm toán BCTC, hiện nay công ty đã thực hiện cung cấp các dịch vụ : chuyên ngành trong các lĩnh vực Xây dựng cơ bản; Tư vấn thuế; Định giá doanh nghiệp phục vụ cho mục đích cổ phần hoá, sát nhập, giải thể... Song song

với quá trình phát triển của mình, công ty đã tái cơ cấu và thành lập thêm một số phòng ban chức năng như: Phòng Kiểm toán BCTC; Phòng Kiểm toán XDCCB và Phòng Đào tạo; Phòng kế toán. Bên cạnh đó, Bộ phận Hành chính của Công ty cũng được tổ chức lại và chuyển thành Phòng Hành chính tổng hợp.

Ban lãnh đạo Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát luôn coi nhân lực là yếu tố thành công chủ chốt. Do đó, Công ty luôn tạo điều kiện và nắm mọi cơ hội để tuyển chọn, đào tạo và giữ được đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp có trình độ, năng động và sáng tạo. Tất cả nhân viên công ty đều tốt nghiệp đại học. Các nhân viên nghiệp vụ của công ty luôn được tạo điều kiện tham gia các chương trình đào tạo thường niên có hệ thống cả về chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng quản lý, nhằm cập nhật sự phát triển, thay đổi của các Chuẩn mực kế toán, kiểm toán, các điều khoản có liên quan về luật pháp và của môi trường kinh doanh nói chung, của lĩnh vực kiểm toán nói riêng.

Hiện nay, tất cả các thành viên trong bộ máy tổ chức quản lý của Công ty đều đã được cấp chứng chỉ Kiểm toán viên quốc gia (CPA); toàn bộ Ban Giám đốc Công ty đều có học vị Thạc sỹ (MBA, MA).

Từ khi thành lập đến nay, công ty đã tạo được dấu ấn sâu sắc trong lòng khách hàng, đối tác, cơ quan quản lý về một Công ty Kiểm toán độc lập không ngừng đổi mới, sáng tạo, học hỏi chất lượng dịch vụ cao với sức mạnh nền tảng dựa trên việc tôn trọng phát triển tri thức, tài năng, tinh đoàn kết và lòng tâm huyết hướng tới công việc phục vụ khách hàng tốt hơn.

2.1.1.3. Ngành nghề kinh doanh của công ty

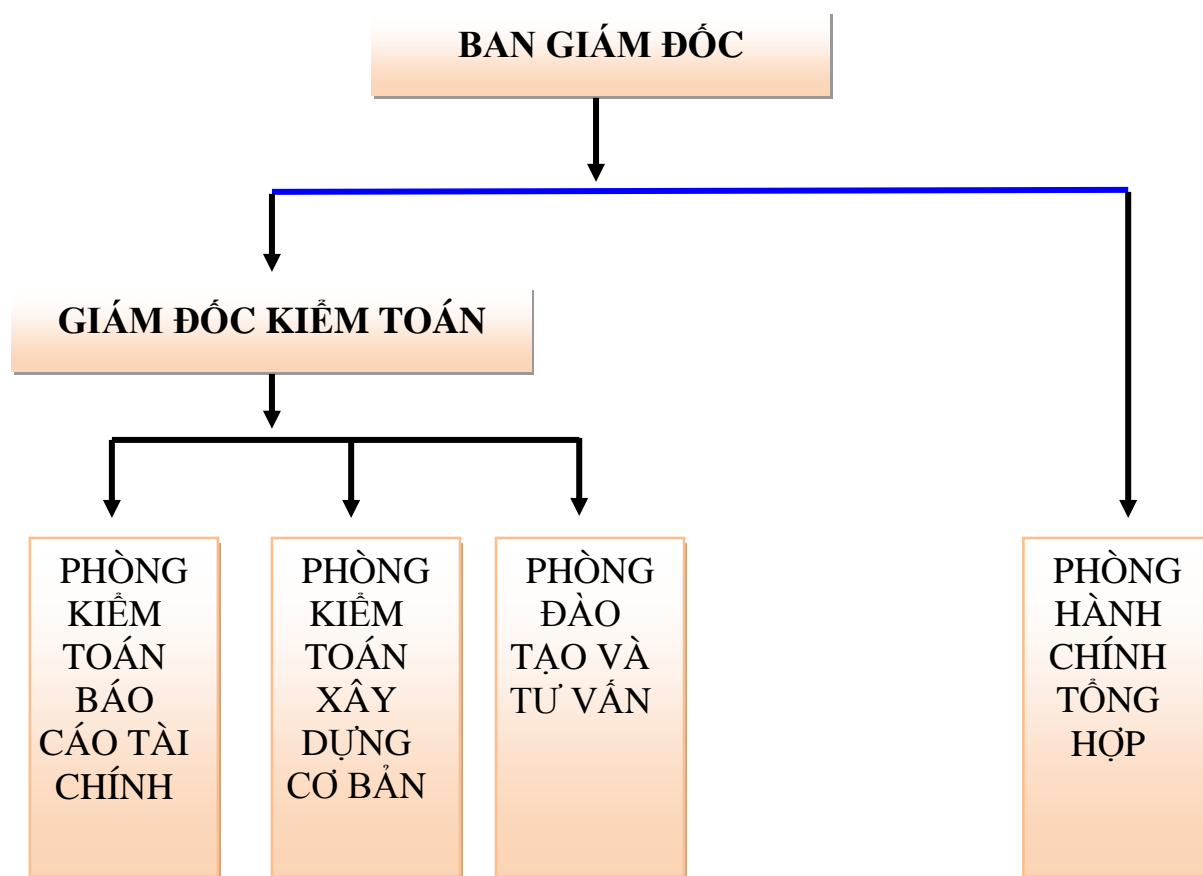
- Nhằm đa dạng hoá các dịch vụ cung cấp, đồng thời, để hỗ trợ khách hàng một cách toàn diện cũng như giúp nhân viên có được nhiều cơ hội tiếp cận các lĩnh vực chuyên môn khác nhau như một hình thức đào tạo, cập nhật kiến thức, Ban Giám đốc Công ty luôn lưu ý mở rộng lĩnh vực hoạt động và đa dạng dịch vụ của Công ty. Hiện nay, các dịch vụ do Công ty cung cấp gồm có:

- ***Dịch vụ kiểm toán, kế toán và thuế:***
 - ◆ Kiểm toán Báo cáo tài chính.
 - ◆ Kiểm toán quyết toán vốn đầu tư.
 - ◆ Kiểm toán quyết toán công trình hoàn thành.
 - ◆ Tư vấn kế toán.
 - ◆ Tư vấn các vấn đề về thuế.
 - ◆ Phân tích đầu tư.
 - ◆ Lập kế hoạch tài chính.
 - ◆ Lập và soát xét Báo cáo tài chính.
- ***Dịch vụ kiểm toán dự án***
 - ◆ Kiểm toán độc lập.
 - ◆ Soát xét hệ thống kiểm soát nội bộ.
 - ◆ Kiểm toán tuân thủ dự án.
 - ◆ Đánh giá tình hình thực hiện dự án.
 - ◆ Hướng dẫn quản lý dự án.
- ***Dịch vụ định giá tài sản***
 - ◆ Định giá tài sản góp vốn kinh doanh.
 - ◆ Định giá doanh nghiệp để cổ phần hoá.
 - ◆ Định giá doanh nghiệp để chuyển đổi.

2.1.1.4. Đặc điểm và hình thức tổ chức bộ máy quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

❖ Bộ máy quản lý Công ty: Tổ chức bộ máy quản lý mà Công ty áp dụng là theo mô hình trực tuyến chức năng.

☆ **Sơ đồ 01: Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý doanh nghiệp**



Ưu điểm của mô hình quản lý:

- Là hệ thống quản lý có tính chất tập trung thống nhất cao, mối liên hệ đơn giản.
- Thông tin được cập nhật một cách nhanh chóng.
- Phân định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ từng bộ phận, cá nhân.

Nhược điểm

- Có sự phân cách giữa các bộ phận.

✿ **Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận.**

1. *Ban Giám đốc*

- Giám đốc: Tổ chức, điều hành mọi hoạt động và không ngừng phát triển toàn diện Công ty.

Sắp xếp cơ cấu tổ chức phù hợp với hoạt động chuyên môn.

- ◇ Củng cố, phát triển tổ chức của Công ty.
- ◇ Đề bạt cán bộ, thành lập mới phòng nghiệp vụ.
- ◇ Đa dạng hoá dịch vụ, xây dựng quy định kiểm soát chất lượng phù hợp.
- ◇ Phát triển trình độ chuyên môn nghiệp vụ của Công ty.
- ◇ Trực tiếp phụ trách về tổ chức, tài chính, đối ngoại.

- Phó Giám đốc: Giúp việc cho Giám đốc trong việc tổ chức, điều hành và phát triển toàn diện Công ty.

- ◇ Duy trì soát xét, kiểm tra nghiệp vụ đúng theo quy định của công ty.
- ◇ Trực tiếp phụ trách các đoàn thể quần chúng như: Công đoàn, đoàn Thanh niên.

- ◇ Phụ trách một số lĩnh vực khác như: Đào tạo, tuyên truyền..

- Giám đốc Kiểm toán:

- ◇ Trực tiếp phụ trách các phòng nghiệp vụ trong Công ty.
- ◇ Chăm lo và duy trì đội ngũ khách hàng, phát triển các khách hàng mới.
- ◇ Trực tiếp kiểm soát chất lượng các file kiểm toán và duy trì thực hiện tốt quy trình kiểm toán của các cuộc kiểm toán.

2. Các phòng ban chuyên môn, nghiệp vụ: thực hiện nhiệm vụ, chức năng riêng: Kiểm toán Báo cáo tài chính, kiểm toán xây dựng cơ bản dở dang, tham mưu, giúp việc cho ban Giám đốc trong việc quản lý công việc.

2.1.2. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát.

2.1.2.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.

Do đặc điểm của Công ty là hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ chuyên ngành có tính chất chuyên nghiệp cao, theo đó, việc tổ chức bộ máy kế toán của Công ty phải phù hợp với thực tế. Công ty áp dụng chế độ kế toán của Bộ Tài chính quy định cho loại hình doanh nghiệp nhỏ và vừa . Công ty áp dụng mô hình tổ chức bộ máy kế toán

tập trung . Phòng kế toán của công ty thực hiện toàn bộ công tác kế toán từ thu nhận chứng từ kế toán, kiểm tra, đối chiếu, ghi sổ, xử lý thông tin trên hệ thống báo cáo phân tích và tổng hợp của Công ty.

Với đặc điểm cơ cấu nhỏ gọn, **bộ máy kế toán của APS được tổ chức theo kiểu trực tuyến**. Kế toán trưởng Công ty trực tiếp điều hành các nhân viên kế toán mà không thông qua một khâu trung gian nào . Với kiểu cơ cấu này, mối quan hệ phụ thuộc trong bộ máy kế toán sẽ được thực hiện trong một cấp kế toán tập trung.

☆ Sơ đồ 02: Tổ chức bộ máy kế toán



Phân công nhiệm vụ tại Phòng Kế toán:

Phòng Kế toán của APS hiện nay có 02 nhân viên thực hiện công tác kế toán dưới sự điều hành trực tiếp của Kế toán trưởng Công ty.

✿ Kế toán trưởng:

- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về toàn bộ công tác tài chính kế toán của Công ty. Đồng thời, chịu trách nhiệm trước Nhà nước về việc chấp hành, thực hiện chế độ chính sách của Nhà nước . Kế toán trưởng điều hành công việc chung của Phòng Kế toán, xác định kết quả kinh doanh và lập Báo cáo tài chính cũng như các báo cáo kế toán khác có liên quan của Công ty.

- Có trách nhiệm giám sát, đôn đốc tình hình thực hiện công tác kế toán của Công ty.

✿ Kế toán tổng hợp:

- Chịu trách nhiệm tổng hợp số liệu kế toán của Công ty.
- Lập các báo cáo kế hoạch, lập sổ cái, lập các báo cáo tài chính trong công ty theo định kỳ, kế toán thuế giá trị gia tăng và kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Giám sát quá trình đề nghị mua Văn phòng phẩm từ phòng Hành chính tổng hợp, theo dõi tình hình thực tế và tính toán giá thực tế của văn phòng phẩm mua, sử dụng trong kỳ. Đồng thời, tính toán và phân bổ giá thực tế văn phòng phẩm. Định kỳ đối chiếu số liệu trên sổ kế toán với nhân viên phụ trách mua và sử dụng VPP của Phòng HCTH.
- Theo dõi tình hình tăng, giảm TSCĐ, tình hình khấu hao TSCĐ, giám sát việc thanh lý, nhượng bán, sửa chữa TSCĐ và XDCB (nếu có). Bên cạnh đó, phân tích hiệu quả sử dụng TSCĐ để tham mưu cho Giám đốc trong việc khai thác và sử dụng TSCĐ (nếu được yêu cầu).
- Hạch toán tổng hợp và chi tiết tình hình thu chi tiền gửi Ngân hàng.
- Theo dõi việc thanh toán công nợ của khách hàng; Quản lý các sổ chi tiết về thanh toán của từng khách hàng và thông báo kịp thời cho khách hàng về số dư nợ, dư có và tình hình biến động các khoản phải thu của khách hàng.
- Thực hiện thanh toán với nhân viên và tình hình trích lập, sử dụng các quỹ.
- Các công việc khác có liên quan.

✿ Thủ quỹ:

- Quản lý vốn bằng tiền, phản ánh số hiện có, tình hình tăng giảm quỹ tiền mặt của Công ty để tiến hành phát lương cho cán bộ công nhân viên của Công ty.
- Thực hiện thu, chi tiền mặt theo Phiếu thu, Phiếu chi đã được ký duyệt.
- Bảo quản quỹ tiền mặt của Công ty.

2.1.2.2. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán.

❖ **Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng**

Công ty áp dụng niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.

❖ **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng.**

Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán Việt Nam.

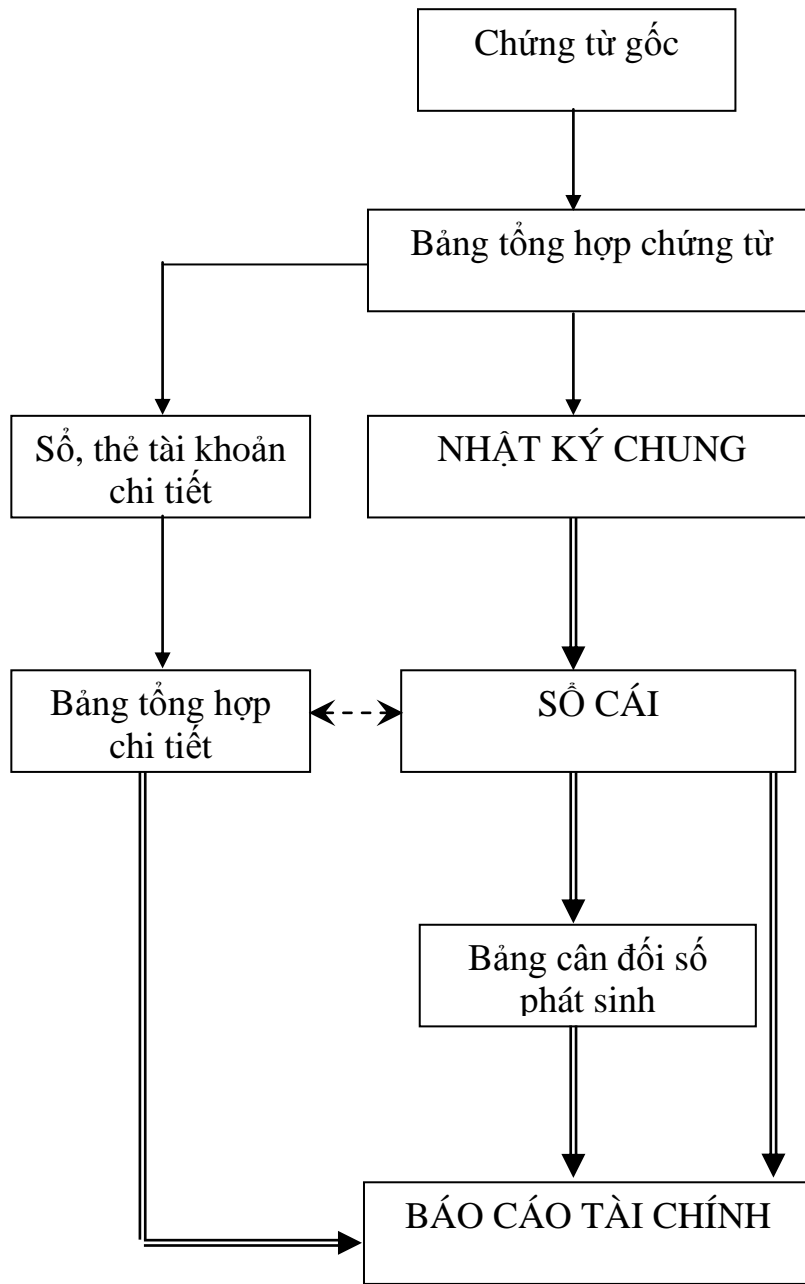
Công ty vận dụng *Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC* ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về “Chế độ Kế toán Doanh nghiệp nhỏ và vừa” áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế trong cả nước.

❖ **Hình thức sổ kế toán áp dụng:**

Với đặc thù riêng về nghề nghiệp kiểm toán, hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, công tác kế toán lại giản đơn, Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát tổ chức ghi sổ kế toán theo hình thức **Nhật ký chung**. Hình thức này giúp công tác kế toán đơn giản hơn; thuận tiện cho việc kịp thời kiểm tra, xử lý các sai sót và giúp Giám đốc kịp thời nắm bắt tình hình thực hiện kế hoạch đề ra.

Theo hình thức Nhật ký chung, APS sử dụng sổ Nhật ký chung; Sổ cái và các Sổ kế toán chi tiết.

☆ Sơ đồ 03: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————→

Ghi cuối tháng, hoặc ghi định kỳ: ══════════→

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: ←- - - - ->

Tại đơn vị trình tự luân chuyển chứng từ như sau:

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra và phê duyệt được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng lập các Báo cáo tài chính.

❖ Hệ thống tài khoản sử dụng.

Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát là một doanh nghiệp có quy mô nhỏ với các dịch vụ cung cấp mang tính đặc thù nên kế toán sử dụng các tài khoản trong hệ thống tài khoản kế toán Việt Nam theo *Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC* ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về “Chế độ Kế toán Doanh nghiệp vừa và nhỏ” áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế trong cả nước. *Tuy nhiên, do đặc thù về lĩnh vực hoạt động kinh doanh nên một số tài khoản của Công ty có khác biệt:*

- Công ty không có hàng tồn kho, không thực hiện tập hợp chi phí và tính giá thành. Theo đó, Công ty **không** mở và theo dõi các tài khoản (TK):

- TK 1593 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- TK 621, TK 622, TK 627, TK 632.
- TK 154, 155

- TK 131 - Phải thu của khách hàng.

TK này được mở để theo dõi đối tượng phải thu và thực hiện theo dõi theo Nhóm khách hàng. Khách hàng của Công ty được phân nhóm dựa trên loại hình doanh nghiệp. Công ty chia đối tượng của TK 131 thành các nhóm sau:

- ◇ Doanh nghiệp Nhà nước;
- ◇ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;
- ◇ Doanh nghiệp cổ phần hoá;
- ◇ Công ty TNHH và doanh nghiệp khác;
- ◇ Các đối tượng sau khi được chia nhóm mới tiến hành nhập mã đối tượng đang theo dõi và tiến hành các bước công việc khác.

❖ **Hệ thống báo cáo kế toán sử dụng.**

Theo quy định, hàng năm, Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát phải thực hiện lập các Báo cáo tài chính. Công ty thực hiện lập báo cáo tài chính theo kỳ kế toán năm là năm dương lịch.

Báo cáo tài chính của Công ty gồm:

- ▲ Bảng cân đối kế toán
- ▲ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- ▲ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- ▲ Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Báo cáo quản trị bao gồm:

- ▲ Bảng tổng hợp các khoản phải thu và nợ phải trả.
- ▲ Bảng tổng hợp chi phí quản lý doanh nghiệp
- ▲ Bảng kê nộp thuế

❖ **Các chính sách kế toán áp dụng**

- Nguyên tắc xác định các khoản tiền:

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền đang sử dụng trong kế toán. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được

quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá ngân hàng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm, kế toán đánh giá lại chênh lệch các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

- Do công việc kế toán tại công ty không quá phức tạp nên hiện tại tại công ty chưa áp dụng các phần mềm kế toán hỗ trợ cho công tác kế toán tại công ty.

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty An Phát

Vì Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát là công ty kinh doanh theo loại hình dịch vụ nên công ty chủ yếu hạch toán doanh thu về cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính.

Kết quả kinh doanh là chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh của công ty. Kết quả kinh doanh được xác định là chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí trong kỳ.

Kế toán sử dụng TK911 để xác định kết quả kinh doanh, phương pháp hạch toán như sau:

Căn cứ vào xác định kết quả kinh doanh là các số dư cuối quý, cuối năm của các tài khoản: TK511, TK515, TK711, TK635, TK 641, TK642, TK811. Số dư cuối quý, cuối năm của các tài khoản TK511, TK515, TK711 được kết chuyển vào bên Có TK911. Số dư cuối quý, cuối năm của các tài khoản còn lại được kết chuyển vào bên Nợ TK911

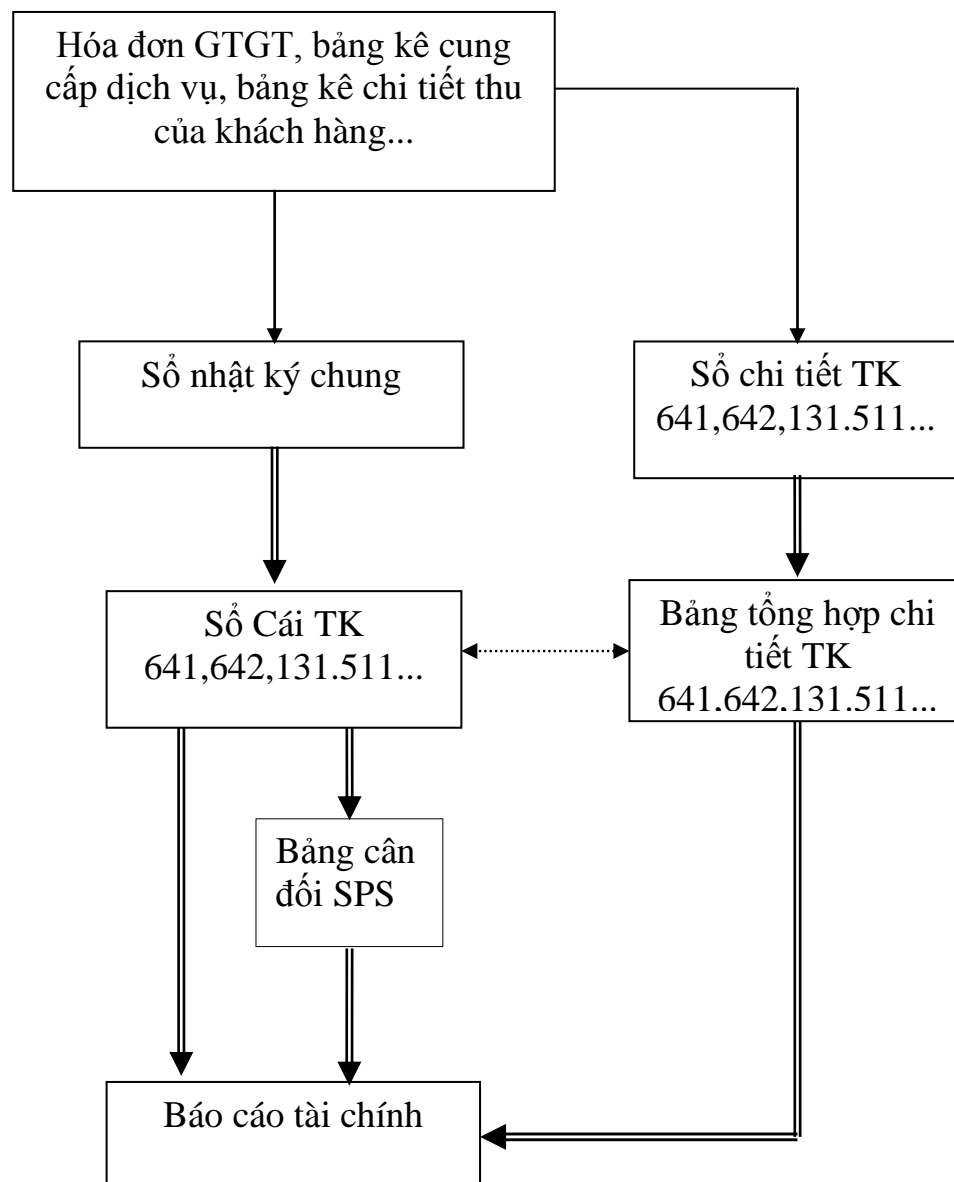
Sau khi bù trừ hai bên Nợ - Có của TK911 kế toán xác định kinh doanh của công ty như sau: Nếu số tiền dư Nợ TK911 tức trong quý, năm kết quả kinh doanh của công ty là lỗ. Và số tiền này được kết chuyển sang Nợ TK421. Nếu số tiền dư Có TK911 tức trong quý, năm kết quả kinh doanh của công ty là lãi. Số tiền này được kết chuyển sang Có TK421.

Doanh thu của công ty đạt lớn nhất vào quý I. Do các công ty khách hàng cần hoàn thành báo cáo tài chính trước khi hết kỳ hạn nộp báo cáo thuế kết thúc vào ngày 31/03 hàng năm, nên nhu cầu kiểm toán vào thời gian này là rất cao. Nên em xin viết về tình hình doanh thu quý I tại công ty kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát.

*** Trình tự kế toán**

Do công việc kế toán của công ty không quá phức tạp nên kế toán công ty ghi sổ theo quý. Vào cuối quý kế toán công ty tiến hành tổng hợp doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh. Sau đó căn cứ vào các chứng từ tự lập về kết chuyển doanh thu, chi phí để ghi các bút toán kết chuyển.

Sơ đồ 2.6: Quy trình luân chuyển chứng từ



Ghi chú:

—→ : Ghi hàng ngày.

==→ : Ghi cuối tháng

←-.-→ : Kiểm tra, đối chiếu

2.2.1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh cung cấp dịch vụ (TK 511).

Với đặc điểm ngành nghề kinh doanh của công ty, nên phần lớn doanh thu của công ty là từ việc cung cấp dịch vụ trực tiếp cho khách hàng.

*** Phương thức thanh toán:**

Để tạo điều kiện thuận lợi cho các đại lý và có thể sử dụng được nguồn vốn linh hoạt hơn, công ty đã chủ động tạo ra các phương thức thanh toán rất mềm dẻo. Thời gian thanh toán được chia ra làm hai giai đoạn:

Giai đoạn 1: Khách hàng sẽ thanh toán 50% giá trị hợp đồng kí kết giữa hai bên khi công ty xuống đơn vị khách hàng tiến hành quy trình kiểm toán.

Giai đoạn 2: Khách hàng sẽ thanh toán 50% giá trị hợp đồng còn lại sau khi công ty hoàn thành báo cáo tài chính theo số liệu kiểm toán cho đơn vị khách hàng.

Căn cứ vào hoạt động kinh tế hoặc đơn đặt hàng kế toán bán hàng tại công ty viết hoá đơn GTGT lập thành 3 liên.

Liên 1: Lưu ở sổ gốc

Liên 2: Giao người mua

Liên 3: Giao cho bộ phận bán hàng làm cơ sở để hạch toán

*** Hạch toán quá trình cung cấp dịch vụ tại công ty:**

Ví dụ: Ngày 20/02/2009 công ty ký hợp đồng kiểm toán BCTC với công ty cổ phần thép Cửa Long VINASHIN. Ngày 23/02/2009 công ty xuống tiến hành làm kiểm toán tại đơn vị khách hàng, ngày 03/03/2009 công ty phát hành báo cáo tài chính cho đơn vị khách hàng.

HOÁ ĐƠN GTGT

Mẫu số: 01 GTKT -3LL

Liên 3

HU/2009 B

Ngày 23 tháng 02 năm 2009

0074299

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát
Địa chỉ: 161 – Bạch Đằng – Hồng Bàng – Hải Phòng
Số tài khoản: 2100201310050
Điện thoại: MST

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|--|
| 0 | 2 | 0 | 0 | 6 | 8 | 9 | 0 | 5 | 9 | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|--|

Tên đơn vị : Công ty cổ phần thép Cửu Long VINASHIN
 Địa chỉ :
 Số tài khoản: 1000350632100
 Hình thức thanh toán: chuyển khoản

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|--|
| 0 | 2 | 0 | 4 | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | 2 | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|--|

| STT | Tên hàng hoá dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|--|---------------------------------------|-------------|----------|---------|-------------------|
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1*2 |
| | Phí dịch vụ kiểm toán năm 2009 | | | | 22.500.000 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Cộng thành tiền | | | | | 22.500.000 |
| Thuế suất GTGT 10% tiền thuế GTGT | | | | | 2.250.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | 24.750.000 |
| Số tiền viết bằng chữ : hai mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng chẵn | | | | | |

Người mua hàng
(ký, họ tên)

Người bán hàng
(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký, họ tên, đóng dấu)

HOÁ ĐƠN GTGT

Mẫu số: 01 GTKT –3LL

Liên 3

HU/2009 B

Ngày 03 tháng 03 năm 2009

0074329

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát
Địa chỉ: 161 – Bạch Đằng – Hồng Bàng – Hải Phòng
Số tài khoản: 2100201310050
Điện thoại: MST

| | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|
| 0 | 2 | 0 | 0 | 6 | 8 | 9 | 0 | 5 | 9 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|

Tên đơn vị : Công ty cổ phần thép Cửu Long VINASHIN
 Địa chỉ :
 Số tài khoản: 1000350632100
 Hình thức thanh toán: chuyển khoản

| | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|
| 0 | 2 | 0 | 4 | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | 2 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|

| STT | Tên hàng hoá dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|--|---------------------------------------|-------------|----------|---------|-------------------|
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1*2 |
| | Phí dịch vụ kiểm toán năm 2009 | | | | 22.500.000 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Cộng thành tiền | | | | | 22.500.000 |
| Thuế suất GTGT 10% tiền thuế GTGT | | | | | 2.250.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | 24.750.000 |
| Số tiền viết bằng chữ : hai mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng chẵn | | | | | |

Người mua hàng
(ký, họ tên)

Người bán hàng
(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký, họ tên, đóng dấu)

* *Kế toán tại công ty căn cứ vào hợp đồng, và các chứng từ liên quan định khoản nghiệp vụ trên như sau:*

* *Định khoản:*

+ Ngày 20/02/2009: Nợ TK 131 : 49.500.000^d
Có TK 511 : 45.000.000^d
Có TK 3331: 4.500.000^d
+ Ngày 23/02/2009: Nợ TK 1121 : 24.750.000^d
Có TK 131 : 24.750.000^d
+ Ngày 03/03/2009: Nợ TK 1121 : 24.750.000^d
Có TK 131 : 24.750.000^d

2.2.2. Doanh thu từ hoạt động tài chính (TK515):

Doanh thu từ hoạt động tài chính của công ty chủ yếu là từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Căn cứ vào sổ phụ ngân hàng, giấy báo có hàng tháng ngân hàng gửi cho công ty kế toán định khoản và vào chi tiết các sổ.

Ví dụ : ngày 31/01/2009 công ty nhận giấy báo có của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Hải Phòng. Về lãi tiền gửi của công ty trong tháng 1. Số tiền 15.765.450^d

Kế toán định khoản : Nợ TK 1121 : 15.765.450^d
Có TK 515: 15.765.450^d

NGÂN HÀNG NN & PTNT

CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 31/01/2009

Người hưởng: Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát.....

Số tài khoản: . 02000096112004.....

Địa chỉ: .161 – Bạch Đằng – Hồng Bàng – Hải Phòng.....

Số tiền: (VND):15.765.450.....

Bằng chữ: mười năm triệu bảy trăm sáu mươi năm ngàn bốn trăm năm mươi đồng

Nội dung: Lãi tiền gửi dực hưởng tháng 1 năm 2009.....

.....
.....
.....

Giao dịch viên

Phòng nghiệp vụ

2.2.3. Chi phí từ hoạt động tài chính (TK 635):

Chi phí từ hoạt động tài chính của công ty chủ yếu là trả lãi vay ngân hàng, và phí chuyển khoản của công ty.

Căn cứ vào sổ phụ ngân hàng, giấy báo nợ hàng tháng ngân hàng gửi cho công ty kế toán định khoản và vào chi tiết các sổ.

Ví dụ : ngày 31/01/2009 công ty nhận giấy báo có của Ngân hàng Đầu tư và phát triển Hải Phòng về lãi tiền vay ngân hàng phải trả của công ty trong tháng 1. Số tiền 1.352.100^d

Kế toán định khoản : Nợ TK 635 : 1.352.100^d

Có TK 1122: 1.352.100^d

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ

PHÁT TRIỂN HẢI PHÒNG

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 31/01/2009

Người hưởng: Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát.....

Số tài khoản: . 2100201310050.....

Địa chỉ: .161 – Bạch Đằng – Hồng Bàng – Hải Phòng.....

Số tiền: (VND): ...1.352.100.....

Bằng chữ: ...một triệu ba trăm năm mươi hai nghìn một trăm đồng.....

Nội dung:.....

.....

.....

.....

Mã VAT ngân hàng: Mã VAT khách hàng:.....

Giao dịch viên

Phòng nghiệp vụ

2.2.4. Chi phí bán hàng (TK641):

Do tính chất công việc là luôn phải di chuyển đến nhiều đơn vị khách hàng nên chi phí bán hàng của công ty chủ yếu là các khoản chi phí tiền tàu xe, phục vụ cho công việc kiểm toán tại các đơn vị khách hàng.

Ví dụ: Ngày 31/03/2009 thanh toán tiền cước taxi tháng 3 cho công ty Taxi Đất Cảng số tiền: 5.280.000^d

Kế toán định khoản: +) Nợ TK 641: 4.800.000^d

Nợ TK 133 : 480.000^d

Có TK 331: 5.280.000^d

+) Nợ TK 331: 5.280.000^d

Có TK 1121: 5.280.000^d

Ngoài ra công ty còn trích khấu hao xe ô tô HONDA CIVIC 4 chỗ vào chi phí bán hàng.

HOÁ ĐƠN GTGT
Liên 2 : Giao cho khách hàng
Ngày tháng năm

Mẫu số: 01 GTKT –
3LL
KA/2009 B
0051349

Đơn vị bán hàng: Công ty Taxi Đất Cảng
Địa chỉ: Số 41A - Tô Hiệu – Hải Phòng
Số tài khoản:
Điện thoại: MS

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

Tên đơn vị : Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát
Địa chỉ : 161 – Bạc Đằng – Hồng Bàng – Hải Phòng
Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: chuyển khoản

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| 0 | 2 | 0 | 0 | 6 | 8 | 9 | 0 | 5 | 9 | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

| STT | Tên hàng hoá dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|--|--------------------------|-------------|----------|---------|------------------|
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1*2 |
| | Cước taxi tháng 3 | | | | 4.800.000 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Cộng thành tiền | | | | | 4.800.000 |
| Thuế suất GTGT 10% tiền thuế GTGT | | | | | 480.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | 5.280.000 |
| Số tiền viết bằng chữ : Năm triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng | | | | | |

Người mua hàng
(ký, họ tên)

Người bán hàng
(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký, họ tên, đóng dấu)

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CHI NHÁNH HẢI PHÒNG-LẠCH TRAY-HẢI PHÒNG
AGRIBANK-HAI PHONG BRANCH
MST/Tax Code: **02-00124891-009**

ỦY NHIỆM CHI
PAYMENT ORDER

Liên 2: Giao cho khách hàng

Số/Seq No:.....
Ngày/Date:...../...../.....

Số tiền/Amount:.....5.280.000 Đ.....

Phí NH: chúng tôi chịu(Ourselves) x
(Charges) người hưởng chịu(Beneficiary)

Bằngchữ/inwords:..... Năm triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng.....

Nội dung/Remark:.....Thanh toán tiền taxi tháng 3.....

NGƯỜI YÊU CẦU: ...Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát.... Người hưởng:..Công ty TNHH taxi Đất Cảng.....
(Applicant) (Beneficiary)

Địa chỉ/Address : .S ố 161- Bạch Đằng - Ngô Quyền - Hải Phòng..... Địa chỉ/Address: ..41A- Tô Hiệu - Lê Chân - Hải Phòng.....

Số tài khoản/A/C No: ... 02000096112004..... Số tài khoản/A/C No:3211100001155.....

Tại ngân hàng/w.Bank: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn...Tại ngân hàng/w.Bank: . Ngân hàng đầu tư và phát triển Hải Phòng

..... Địa chỉ/Address:

Phần dành cho ngân hàng/For Bank use only

Ký hiệu chứng từ NGƯỜI YÊU CẦU KÝ, GHI HỌ TÊN VÀ ĐÁNH DẤU

MST KHÁCH HÀNG:

APPLYCANT’S SINGNATURE(S), NAMED&STAMP

CUSTOMER’S TAX CODE

kế toán trưởng/Chife AccounttantChủ tài khoản/A/C Holder

TỔNG SỐ GHI NỢ:

DEBIT AMOUNT

PHÍ NGÂN HÀNG:

CHARGE

THUẾ GTGT:

SỐ TIỀN CHUYỂN:

REMITTANCE AMOUNT

Giao dịch viên/Received by Kiểm soát/Verified by Giám đốc/Approved by

Dành cho ngân hàng người hưởng/Ngân hàng trung gian

2.2.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp (TK642):

Chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty bao gồm các khoản chi phí sau:

- Chi phí khấu hao nhà văn phòng, máy tính, máy in.....
- Chi phí mua văn phòng phẩm
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: tiền điện, tiền nước, dịch vụ chuyển phát nhanh
- Chi phí tiền lương công nhân viên.....

Ví dụ: 31/03/2009 Thanh toán tiền hợp đồng cung cấp văn phòng phẩm cho Công ty CP văn phòng phẩm Hồng Hà quý I năm 2009 số tiền: 30.000.000^d (chưa bao gồm VAT).

| | |
|---------------------------------|-------------------------|
| Kế toán định kháo: * Nợ TK 642: | 30.000.000 ^d |
| Nợ TK 133: | 3.000.000 ^d |
| Có TK 331: | 33.000.000 ^d |
| * Nợ TK 331 : | 33.000.000 ^d |
| Có TK 112 : | 33.000.000 ^d |

HOÁ ĐƠN GTGT
Liên 2 : Giao cho khách hàng
 Ngày tháng năm

Mẫu số: 01 GTKT –
 3LL
 BL/2009 B
 015325

Đơn vị bán hàng: Công ty CP văn phòng phẩm Hồng Hà
Địa chỉ: 25 Lý Thường Kiệt – Hà Nội
Số tài khoản:
Điện thoại: MS

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

Tên đơn vị : Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát
 Địa chỉ : 161 – Bạc Đằng – Hồng Bàng – Hải Phòng
 Số tài khoản:
 Hình thức thanh toán: chuyển khoản

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|--|
| 0 | 2 | 0 | 0 | 6 | 8 | 9 | 0 | 5 | 9 | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|--|

| STT | Tên hàng hoá dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|--|----------------------------------|-------------|----------|---------|-------------------|
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1*2 |
| | Tiền Văn Phòng Phẩm quý I | | | | 30.000.000 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Cộng thành tiền | | | | | 30.000.000 |
| Thuế suất GTGT 10% tiền thuế GTGT | | | | | 3.000.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | 33.000.000 |
| Số tiền viết bằng chữ : ba mươi ba triệu đồng | | | | | |

Người mua hàng
 (ký, họ tên)

Người bán hàng
 (ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
 (ký, họ tên, đóng dấu)

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CHI NHÁNH HẢI PHÒNG-LẠCH TRAY-HẢI PHÒNG
AGRIBANK-HAI PHONG BRANCH
MST/Tax Code: **02-00124891-009**

ỦY NHIỆM CHI
PAYMENT ORDER

Liên 2: Giao cho khách hàng

Số/Seq No:.....
Ngày/Date:...../...../.....

Số tiền/Amount:.....33.000.000 Đ.....

Phí NH: chúng tôi chịu(Ourselves) x
(Charges) người hưởng chịu(Beneficiary)

Bằng chữ/inwords:..... ba mươi ba triệu đồng

Nội dung/Remark:.....Thanh toán tiền văn phòng phẩm quý I.....

NGƯỜI YÊU CẦU: ...Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát.... Người hưởng:..Công ty CP VPP Hồng Hà.....
(Applicant) (Beneficiary)

Địa chỉ/Address : .Số 161- Bạch Đằng - Ngô Quyền - Hải Phòng..... Địa chỉ/Address: ..25 Lý Thường Kiệt – Hà Nội.....

Số tài khoản/A/C No: ... 02000096112004..... Số tài khoản/A/C No:03M000101.....

Tại ngân hàng/w.Bank: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn...Tại ngân hàng/w.Bank: . Vietcombank.....

Địa chỉ/Address:

Phần dành cho ngân hàng/For Bank use only

Ký hiệu chứng từ NGƯỜI YÊU CẦU KÝ, GHI HỌ TÊN VÀ ĐÁNH DẤU

MST KHÁCH HÀNG:

APPLYCANT’S SINGNATURE(S), NAMED&STAMP

CUSTOMER’S TAX CODE

kế toán trưởng/Chife AccountantChủ tài khoản/A/C Holder

TỔNG SỐ GHI NỢ:

DEBIT AMOUNT

PHÍ NGÂN HÀNG:

CHARGE

THUẾ GTGT:

SỐ TIỀN CHUYỂN:

REMITTANCE AMOUNT

Giao dịch viên/Received by Kiểm soát/Verified by Giám đốc/Approved by

Dành cho ngân hàng người hưởng/Ngân hàng trung gian

2.2.6. Thu nhập khác (TK 711) và chi phí khác (TK 811) :

* Chi phí khác là những khoản chi không thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh hay hoạt động tài chính. Thông thường đó là các khoản chi có liên quan đến việc xử lý công nợ... và khoản chi này chỉ là khoản chi nhỏ trong công ty.

* Thu nhập khác là các khoản thu nhập nằm ngoài những khoản thu nhập kể trên. Đối với công ty chủ yếu là những khoản thu nhập như : thu nhập từ việc xử lý công nợ, hoàn nhập dự phòng... Khoản thu nhập này chỉ chiếm giá trị nhỏ trong tổng số thu nhập của công ty.

Trong quý I năm 2009 không phát sinh các khoản chi phí khác và thu nhập khác.

2.2.7. Các khoản giảm trừ doanh thu (TK531,TK 532, TK521):

Các khoản giảm trừ doanh thu nếu có phát sinh công ty đều thực hiện trừ trực tiếp trên hóa đơn thanh toán.

2.2.8. Xác định kết quả kinh doanh (TK 911):

Đến cuối quý I, kế toán tập hợp toàn bộ doanh thu, chi phí liên quan để xác định kết quả kinh doanh. Cuối quý I, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển:

+ Kết chuyển doanh thu

Nợ TK 511 : 1.650.000.000^d

Có TK 911: 1.650.000.000^d

+ Kết chuyển chi phí bán hàng

Nợ TK 911 : 35.750.000^d

Có TK 641: 35.750.000^d

+ Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp

Nợ TK 911 : 960.595.500^d

Có TK 642 : 960.595.500^d

+ Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính

Nợ TK 515 : 47.296.350^d

Có TK 9112: 47.296.350^d

+ Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính

Nợ TK 9112 : 4.056.300^d

Có TK 635: 4.056.300^d

+ Xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:

Nợ TK 821 : 195.130.474^d

Có TK 3334: 195.130.474^d

+ Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:

- Từ hoạt động cung cấp dịch vụ:

Nợ TK 9111 : 183.023.260^d

Có TK 821: 183.023.260^d

- Từ HĐTC:

Nợ TK 9111 : 12.107.214^d

Có TK 821: 12.107.214^d

+ Xác định lợi nhuận sau thuế:

- Từ hoạt động cung cấp dịch vụ:

Nợ TK 9111 : 470.631.240^d

Có TK 421: 470.631.240^d

- Từ HĐTC:

Nợ TK 9112 : 31.132.836^d

Có TK 421: 31.132.836^d

Từ những hóa đơn chứng từ, các bút toán định khoản kế toán vào sổ nhật ký chung và sổ cái các tài khoản.

Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát

Số 161 - Bạch Đằng - Hồng Bàng - HP

NHẬT KÝ CHUNG

Quý I Năm 2009

Từ ngày 01/01/2009

Đến ngày 31/03/2009

| Chứng từ | | Diễn giải | Tài khoản | Số phát sinh | |
|-----------|---------|--|-----------|--------------|------------|
| Ngày | Số | | | Nợ | Có |
| | | | | | |
| 02/1/2009 | 0064022 | Phí kiểm toán BCTC2009 Công ty TNHH Giấy Phong Đài | 1121 | | 38.500.000 |
| 02/1/2009 | 0064022 | Phí kiểm toán BCTC2009 Công ty TNHH Giấy Phong Đài | 3331 | | 3.500.000 |
| 02/1/2009 | 0064022 | Phí kiểm toán BCTC2009 Công ty TNHH Giấy Phong Đài | 511 | | 35.000.000 |
| 04/1/2009 | 0006261 | Tạm ứng đi bảo vệ dự thảo | 141 | 5.000.000 | |
| 04/1/2009 | | Tạm ứng đi bảo vệ dự thảo | 1111 | | 5.000.000 |

| | | | | | |
|------------|---------|---|------|------------|------------|
| | | | | | |
| 31/1/2009 | TNH06 | Agribank trả lãi tiết kiệm | 1121 | 15.765.450 | |
| 31/1/2009 | TNH06 | Agribank trả lãi tiết kiệm | 515 | | 15.765.450 |
| 31/1/2009 | GBN01 | Trả lãi vay ngân hàng BIDV | 635 | 1.352.100 | |
| 31/1/2009 | GBN01 | Trả lãi vay ngân hàng BIDV | 1122 | | 1.352.100 |
| | | | | | |
| 26/02/2009 | 0074299 | Công ty CP thép Cửu Long VINASHIN thanh toán 50% phí kiểm toán BCTC | 1121 | 24.750.000 | |
| 26/02/2009 | 0074299 | Công ty CP thép Cửu Long VINASHIN thanh toán 50% phí kiểm toán BCTC | 3331 | | 2.250.000 |
| 26/02/2009 | 0074299 | Công ty CP thép Cửu Long VINASHIN thanh toán 50% phí kiểm toán BCTC | 511 | | 22.500.000 |
| | | | | | |
| 03/03/2009 | 0074315 | Công ty CP thép Cửu Long VINASHIN thanh toán 50% phí kiểm toán BCTC còn lại | 1121 | 24.750.000 | |
| 03/03/2009 | 0074315 | Công ty CP thép Cửu Long VINASHIN thanh | 3331 | | 2.250.000 |

| | | | | | |
|------------|---------|---|------|---------------|---------------|
| | | toán 50% phí kiểm toán BCTC còn lại | | | |
| 03/03/2009 | 0074315 | Công ty CP thép Cửu Long VINASHIN thanh toán 50% phí kiểm toán BCTC còn lại | 511 | | 22.500.000 |
| | | | | | |
| 31/03/2009 | 076856 | Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm quý I | 642 | 30.000.000 | |
| 31/03/2009 | 076856 | Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm quý I | 133 | 3.000.000 | |
| 31/03/2009 | 076856 | Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm quý I | 1121 | | 33.000.000 |
| 31/03/2009 | 052654 | Thanh toán tiền taxi tháng 3 | 641 | 4.800.000 | |
| 31/03/2009 | 052654 | Thanh toán tiền taxi tháng 3 | 133 | 480.000 | |
| 31/03/2009 | 052654 | Thanh toán tiền taxi tháng 3 | 1121 | | 5.280.000 |
| | | | | | |
| 31/03/2009 | KQKD | Kết chuyển doanh thu thuần quý I | 511 | 1.650.000.000 | |
| 31/03/2009 | KQKD | Kết chuyển doanh thu thuần quý I | 9111 | | 1.650.000.000 |
| 31/03/2009 | TH74 | Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp quý I | 642 | | 960.595.500 |
| 31/03/2009 | TH74 | Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp quý I | 9111 | 960.595.500 | |
| 31/03/2009 | TH75 | Kết chuyển chi phí bán hàng quý I | 641 | | 35.750.000 |
| 31/03/2009 | TH75 | Kết chuyển chi phí bán hàng quý I | 9111 | 35.750.000 | |

| | | | | | |
|------------|-------|--|------|-------------|-------------|
| 31/03/2009 | HĐTC | Kết chuyển doanh thu HĐTC quý I | 515 | 47.296.350 | |
| 31/03/2009 | HĐTC | Kết chuyển doanh thu HĐTC quý I | 9112 | | 47.296.350 |
| 31/03/2009 | HĐTC | Kết chuyển chi phí HĐTC quý I | 635 | | 4.056.300 |
| 31/03/2009 | HĐTC | Kết chuyển chi phí HĐTC quý I | 9112 | 4.056.300 | |
| 31/03/2009 | TTNDN | Xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 821 | 195.130.474 | |
| 31/03/2009 | TTNDN | Xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 3334 | | 195.130.474 |
| 31/03/2009 | KCT | Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ hoạt động cung cấp dịch vụ | 9111 | 183.023.260 | |
| 31/03/2009 | KCT | Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ hoạt động cung cấp dịch vụ | 821 | | 183.023.260 |
| 31/03/2009 | KCT | Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ HĐTC | 9112 | 12.107.214 | |
| 31/03/2009 | KCT | Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ HĐTC | 821 | | 12.107.214 |
| 31/03/2009 | KCLL | Kết chuyển lãi HĐTC quý I | 9112 | 31.132.836 | |
| 31/03/2009 | KCLL | Kết chuyển lãi HĐTC quý I | 4212 | | 31.132.836 |
| 31/03/2009 | KCLL | Kết chuyển lãi HĐCCDV quý I | 9111 | 470.631.240 | |

| | | | | | |
|------------------|------|-----------------------------|------|----------------------|----------------------|
| 31/03/2009 | KCLL | Kết chuyển lãi HĐCCDV quý I | 4212 | | 470.631.240 |
| TỔNG CỘNG | | | | 6.326.650.950 | 6.326.650.950 |

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát

Số 161 - Bạch Đằng - Hồng Bàng - HP

SỔ CÁI

Quý I Năm 2009

Tên tài khoản: Doanh thu cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Từ ngày: 01/01/2009

Đến ngày: 31/03/2009

Dư đầu kỳ:

| Chứng từ | | Diễn giải | Tài khoản Đ/U | Số phát sinh | |
|----------|------------|---|---------------|--------------|------------|
| Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| 0006262 | 02/01/2009 | Phí kiểm toán BCTC2009 Công ty TNHH Giấy Phong Đài | 1121 | | 35.000.000 |
| | | | | | |
| 0074299 | 26/02/2009 | Công ty CP thép Cửu Long VINASHIN thanh toán 50% phí kiểm toán BCTC | 1121 | | 22.500.000 |
| | | | | | |
| 0074315 | 03/03/2009 | Công ty CP thép Cửu Long VINASHIN thanh toán 50% phí kiểm toán BCTC còn lại | 1121 | | 22.500.000 |
| | | | | | |

| | | | | | |
|------|------------|-------------------|------|----------------------|----------------------|
| KQKD | 31/03/2009 | XĐ kết quả HĐKD | 9111 | 1.650.000.000 | |
| | | Tổng cộng | | 1.650.000.000 | 1.650.000.000 |
| | | Dư cuối kỳ | | | |

Ngày 31 tháng 03 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát

Số 161 - Bạch Đằng - Hồng Bàng - HP

SỔ CÁI

Quý I Năm 2009

Tên tài khoản: Doanh thu từ hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Từ ngày: 01/1/2009

Đến ngày: 31/3/2009

Dư đầu kỳ:

| Chứng từ | | Diễn giải | Tài khoản Đ/U | Số phát sinh | |
|----------|------------|----------------------------|---------------|-------------------|-------------------|
| Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| | | | | | |
| TNH06 | 31/1/2009 | Agribank trả lãi tiết kiệm | 1121 | | 15.765.450 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| HDTC | 31/03/2009 | Xđ kết quả HĐTC | 9112 | 47.296.050 | |
| | | Tổng cộng | | 47.296.050 | 47.296.050 |
| | | Dư cuối kỳ | | | |

Ngày 31 tháng 03 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát

Số 161 - Bạch Đằng - Hồng Bàng - HP

SỔ CÁI

Quý I Năm 2009

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 641

Từ ngày: 01/01/2009

Đến ngày: 31/03/2009

Dư đầu kỳ:

| Chứng từ | | Diễn giải | Tài khoản Đ/U | Số phát sinh | |
|----------|------------|----------------------|---------------|-------------------|-------------------|
| Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| | | | | | |
| 052654 | 31/03/2009 | Thanh toán tiền Taxi | 1121 | 4.800.000 | |
| TH75 | 31/03/2009 | Kết chuyển chi phí | 9111 | | 35.750.000 |
| | | Tổng cộng | | 35.750.000 | 35.750.000 |
| | | Dư cuối kỳ | | | |

Ngày 31 tháng 03 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát

Số 161 - Bạch Đằng - Hồng Bàng - HP

SỔ CÁI

Quý I Năm 2009

Tên tài khoản: Chi phí quản lý

Số hiệu: 642

Từ ngày: 01/01/2009

Đến ngày: 31/03/2009

Dư đầu kỳ:

| Chứng từ | | Diễn giải | Tài khoản Đ/U | Số phát sinh | |
|----------|------------|------------------------------------|---------------|--------------------|--------------------|
| Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| | | | | | |
| 076856 | 31/03/2009 | Thanh toán tiền VPP quý I | 1121 | 30.000.000 | |
| C21 | 31/03/2009 | Thanh toán tiền điện thoại tháng 3 | 111 | 1.600.000 | |
| | | | | | |
| TH74 | 31/03/2009 | Kết chuyển chi phí | 9111 | | 960.595.500 |
| | | Tổng cộng | | 960.595.500 | 960.595.500 |
| | | Dư cuối kỳ | | | |

Ngày 31 tháng 03 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát

Số 161 - Bạch Đằng - Hồng Bàng - HP

SỔ CÁI

Quý I Năm 2009

Tên tài khoản: Chi phí hoạt động tài chính

Số hiệu: 635

Từ ngày: 01/01/2009

Đến ngày: 31/03/2009

Dư đầu kỳ:

| Chứng từ | | Diễn giải | Tài khoản Đ/U | Số phát sinh | |
|----------|------------|----------------------------|---------------|------------------|------------------|
| Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| | | | | | |
| GBN01 | 31/01/2009 | Trả lãi vay ngân hàng BIDV | 1122 | | 1.352.100 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| KQKD | 31/01/2009 | XĐ kết quả HĐTC | 9112 | 4.056.300 | |
| | | Tổng cộng | | 4.056.300 | 4.056.300 |
| | | Dư cuối kỳ | | | |

Ngày 31 tháng 03 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát

Số 161 - Bạch Đằng - Hồng Bàng - HP

SỔ CÁI

Quý I Năm 2009

Tên tài khoản: Kết quả hoạt động SXKD

Số hiệu: 9111

Dư đầu kỳ:

| Chứng từ | | Diễn giải | Tài khoản Đ/U | Số phát sinh | |
|----------|------------|--|---------------|----------------------|----------------------|
| Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| KQKD | 31/03/2009 | Kết chuyển doanh thu thuần quý I | 511 | | 1.650.000.000 |
| TH74 | 31/03/2009 | Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp quý I | 642 | 960.595.500 | |
| TH75 | 31/03/2009 | Kết chuyển chi phí bán hàng quý I | 641 | 35.750.000 | |
| KCT | 31/03/2009 | Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 821 | 183.023.260 | |
| KCLL | 31/03/2009 | Kết chuyển lãi | 4212 | 470.631.240 | |
| | | | | | |
| | | Tổng cộng | | 1.650.000.000 | 1.650.000.000 |
| | | Dư cuối kỳ | | | |

Ngày 31 tháng 03 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát

Số 161 - Bạch Đằng - Hồng Bàng - HP

SỔ CÁI

Quý I Năm 2009

Tên tài khoản: Kết quả hoạt động tài chính

Số hiệu: 9112

Dư đầu kỳ:

| Chứng từ | | Diễn giải | Tài khoản Đ/U | Số phát sinh | |
|----------|------------|--|---------------|-------------------|-------------------|
| Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| HĐTC | 31/3/2009 | K/c doanh thu HĐTC | 515 | | 47.296.050 |
| HĐTC | 31/3/2009 | K/c chi phí HĐTC | 635 | 4.056.300 | |
| KCT | 31/03/2009 | Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 821 | 12.107.214 | |
| KCLL | 31/3/2009 | Kết chuyển lãi lỗ | 4212 | 31.132.836 | |
| | | Tổng cộng | | 47.296.050 | 47.296.050 |
| | | Dư cuối kỳ | | | |

Ngày 31 tháng 03 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn kế

Mẫu số B 02 – DNN

toán An Phát

(Ban hành theo QĐ số 48/2006 /QĐ-BTC
ngày 14/ 9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Số 161 - Bạch Đằng - Hồng Bàng - HP

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I Năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay |
|---|--------------|--------------------|----------------|
| A | B | C | 1 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | IV.08 | 1.650.000.000 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 1.650.000.000 |
| (10 = 01 - 02) | | | |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | | - |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 1.650.000.000 |
| (20 = 10 - 11) | | | |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | | 47.296.050 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | 4.056.300 |
| <i>- Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | |
| 8. Chi phí quản lý kinh doanh | 24 | | 960.595.500 |
| 9. Chi phí bán hàng và cung cấp dịch vụ | 25 | | 35.750.000 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 696.894.550 |
| (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25) | | | |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | - |
| 12. Chi phí khác | 32 | | - |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | - |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | IV.09 | 696.894.550 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | 51 | | 195.130.474 |
| 16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 501.764.076 |
| (60 = 50 - 51) | | | |

Lập, ngày ..31.tháng..03..năm .2009.

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG III

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN AN PHÁT

3.1. Sự cần thiết và nguyên tắc hoàn thiện hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp đang diễn ra rất gay gắt. Muốn tồn tại và phát triển trong điều kiện như vậy đòi hỏi bộ máy kế toán phải đáp ứng được các nhu cầu, điều kiện cụ thể của các doanh nghiệp. Nói cách khác, sự thành bại trong kinh doanh của doanh nghiệp phụ thuộc rất lớn vào công tác kế toán. Công việc kế toán có hầu hết ở các hoạt động kinh tế tài chính diễn ra tại doanh nghiệp. Về thực chất hạch toán kế toán nghiên cứu tài sản trong mối quan hệ với nguồn hình thành và quá trình vận động của tài sản trong các tổ chức, doanh nghiệp; nhưng nó khác các loại hạch toán khác là thực hiện chức năng hạch toán toàn diện và liên tục. Thông qua việc kiểm tra, tính toán, ghi chép, phân loại, tổng hợp, lưu trữ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bằng hệ thống phương pháp khoa học của kế toán là: Chứng từ, đối ứng tài khoản, tính giá và tổng hợp cân đối. Các phương pháp này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, được sử dụng một cách tổng hợp và đồng bộ. Thông qua việc kết hợp các phương pháp này, kế toán có thể cung cấp những thông tin về sự vận động và tuần hoàn của vốn trước, trong và sau quá trình kinh doanh của doanh nghiệp một cách đầy đủ, chính xác và kịp thời cho nhà nước quản lý để có những quyết định kinh doanh phù hợp nhất. Ngoài ra, các báo cáo tài chính còn cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm (khách hàng, các nhà đầu tư, các cơ quan nhà nước...) về tình hình tài chính, triển vọng kinh doanh của doanh nghiệp để có những quyết định hợp lý như hỗ trợ, đầu tư đúng đắn trong từng thời kỳ. Với tầm quan trọng như vậy, việc phải hoàn thiện và không ngừng

cập nhật, đổi mới công tác kế toán là rất cần thiết, hoàn thiện sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong thị trường hiện nay là một bài toán khá nan giải.

Trong hoạt động kinh doanh nói chung phần hành kế toán hạch toán tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ là phần hành rất quan trọng, đặc biệt đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ nói riêng phần hành này là quan trọng nhất. Từ đặc điểm của hoạt động cung cấp dịch vụ cho thấy, quá trình cung cấp dịch vụ phục vụ khách hàng cũng chính là quá trình tiêu thụ dịch vụ đó, sản phẩm của quá trình này không có hình thái vật chất vì thế việc hạch toán tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ càng cần phải chú trọng. Đây chính là khâu cuối cùng trong quá trình luân chuyển vốn của doanh nghiệp để chuyển sang hình thái tiền tệ, thể hiện được kết quả và khả năng kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

Hoàn thiện kế hoạch này là một vấn đề thực sự cần thiết trong tất cả các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ, vì:

- Khi quá trình tiêu thụ và hạch toán tiêu thụ được hoàn thiện điều đó có nghĩa và việc sử dụng hệ thống tài khoản sẽ tạo điều kiện rất thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát công tác kế toán toàn công ty. Việc hạch toán tiêu thụ đúng đắn sẽ phản ánh được toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty, điều đó cho thấy bộ máy kế toán cung cấp thông tin, số liệu chính xác cho nhà quản trong doanh nghiệp trong việc ra quyết định cũng như các cơ quan Nhà nước trong việc giám sát quá trình kinh doanh của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện quá trình này giúp cho việc hoàn thiện sổ sách của doanh nghiệp. Ngoài hệ thống sổ sách theo quy định, doanh nghiệp cần bổ sung những loại sổ sách chi tiết cần thiết nhằm cung cấp thông tin một cách chính xác và cụ thể nhất tạo điều kiện cho các nhà quản lý hoạch định chiến lược kinh doanh hợp lý cũng như những thông tin bổ ích cho các đối tượng quan tâm. Việc ghi chép chi tiết theo tháng, quý... tạo điều kiện cho công tác kiểm tra đối chiếu số liệu, xác định chính xác tình hình thanh toán công nợ, thời điểm ghi nhận doanh thu và một số đặc điểm riêng khác của hoạt động kinh doanh dịch vụ, kết cấu sổ gọn nhẹ,

giảm bớt khối lượng công việc ghi chép mà vẫn đảm bảo cung cấp đầy đủ các thông tin kinh tế tài chính cho mọi đối tượng quan tâm.

- Để công tác tổ chức hạch toán kế toán ngày càng hoàn thiện hơn, phù hợp với điều kiện thực tế tại Công ty, đảm bảo đúng chế độ kế toán Việt Nam thì công tác tổ chức hạch toán kế toán cần phải hoàn thiện hơn nữa. Mục tiêu hoàn thiện tổ chức hạch toán tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ là biện pháp mang tính khả thi, có hiệu quả cao đòi hỏi một khoản chi phí thấp, hợp lý. Vì vậy, quan điểm cơ bản của việc hoàn thiện là phải dựa vào nguồn nhân lực, vật lực hiện có cũng như dựa vào bộ máy quản lý hiện có phù hợp với quy mô của Công ty. Xuất phát từ mục tiêu và quan điểm như trên, để hoàn thiện hạch toán tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ tại Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát cần phải đáp ứng yêu cầu sau:

+ Hạch toán tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ phải hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tuân thủ chế độ kế toán, chính sách về quản lý kinh tế tài chính của nhà nước trong việc hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả...

+ Hoàn thiện công tác kế toán trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh cũng như đặc điểm tổ chức kinh doanh của Công ty nhằm mang lại hiệu quả cao nhất. Hạch toán phải tôn trọng nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung, theo pháp lệnh kế toán cũng như Luật kế toán mới ban hành và chuẩn mực kế toán quốc tế được thừa nhận ở Việt Nam .

+ Hoàn thiện hạch toán tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ phải được đặt trong mối quan hệ giữa chi phí và lợi ích đạt được, phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí nhưng vẫn đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của Công ty hoạt động đều và có hiệu quả vì mục đích cuối cùng là nâng cao hiệu quả công tác, đồng thời nâng cao lợi nhuận của Công ty.

+ Hoàn thiện công tác hạch toán kế toán phải hướng tới hiện đại hoá, chuyên môn hoá và bảo đảm tính chính xác, kịp thời và cần thiết của các thông tin kế toán cho ra việc quyết định.

3.2 Đánh giá hạch toán hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát.

3.2.1. Nhận xét chung

Kể từ khi thành lập Công ty đã trưởng thành và lớn mạnh không ngừng về mọi mặt trong quản lý nói chung cũng như trong công tác kế toán nói riêng. Cùng với sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể nhân viên trong Công ty, tập thể phòng kế toán không ngừng trau dồi nâng cao trình độ nghiệp vụ của mình trở thành công cụ đắc lực trong công tác hạch toán của Công ty.

Trong nền kinh tế thị trường đầy thử thách buộc Công ty phải tự mình kinh doanh có lãi, tự chủ về tài chính. Lãnh đạo của Công ty đã đưa ra nhiều giải pháp kinh tế có hiệu quả nhằm khắc phục mọi khó khăn của Công ty để hoà nhập với cơ chế thị trường.

Kế toán doanh thu của Công ty đã phản ánh, chặt chẽ, toàn diện về tài sản, tiền vốn của Công ty, cung cấp mọi thông tin một cách chính xác và kịp thời phục vụ tốt cho công tác quản lý, phân tích, lập kế hoạch và công tác lãnh đạo.

3.2.2. Nhận xét cụ thể

Công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh ở Công ty được dựa trên căn cứ khoa học, dựa trên đặc điểm, tình hình thực tế của Công ty và vận dụng sáng tạo chế độ kế toán hiện hành. Công ty đã tiến hành quản lý và đánh giá doanh thu, hoạch toán chính xác kết quả bán hàng, theo dõi quá trình thanh toán của từng khách hàng, tập hợp đầy đủ các khoản chi phí nhờ đó mà xác định kết quả kinh doanh ở từng thời điểm.

3.2.3. Về hình thức kế toán thức

Hiện tại Công ty tiến hành đăng ký và ghi sổ theo hình thức **Nhật ký chung**. Hình thức này có ưu điểm là mẫu sổ đơn giản, dễ làm. dễ đối chiếu, kiểm tra, thuận tiện cho phân công công việc trong phòng kế toán, tiện cho việc sử dụng kế toán

máy. Nhưng bên cạnh đó nó có nhược điểm là Có một số nghiệp vụ bị trùng lặp do vậy cuối quý phải loại bỏ số liệu trùng lặp mới ghi vào sổ cái.

3.2.4 Kế toán doanh thu

Trên cơ sở đặc điểm xuất kinh doanh ở Công ty kế toán bán hàng đã áp dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn để đưa ra hệ thống sổ sách ghi chép quá trình cung cấp dịch vụ và xác định chính xác doanh thu từng tháng. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh bên cạnh việc cung cấp thông tin cho các cơ quan chức năng như: Thuế, Ngân hàng còn cung cấp đầy đủ thông tin cho Ban lãnh đạo Công ty. Vì vậy kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần phải theo dõi chi tiết quá trình cung cấp dịch vụ, phải lập các sổ chi tiết quá trình kinh doanh.

3.2.5. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Để theo dõi một cách chính xác từng nội dung chi phí, kế toán nên mở sổ chi tiết chi phí bán hàng cũng như chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.3 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát

Tổ chức hạch toán kế toán trong doanh nghiệp có hiệu quả hay không phụ thuộc rất lớn vào cách tổ chức bộ máy kế toán của Công ty. Tổ chức bộ máy tốt có ý nghĩa thiết thực không chỉ đối với Công ty mà còn cần thiết cho các cơ quan Nhà nước liên quan. Do vậy, việc không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng bộ máy kế toán là vấn đề Công ty luôn phải quan tâm.

Từ thực tế xem xét tổ chức bộ máy kế toán cho thấy, Công ty nên:

- Chi tiết tài khoản cấp 2 của TK 511 (Doanh thu bán hàng) giúp ban lãnh đạo cùng các cơ quan liên quan có thể theo dõi chi tiết và dễ dàng hơn về các khoản thu nhập của công ty.

Doanh thu của Công ty nên được phân loại và theo dõi theo loại hình doanh thu:

- ✦ TK 5111: Doanh thu từ hoạt động kiểm toán Báo cáo tài chính;
- ✦ TK 5112: Doanh thu từ hoạt động kiểm toán Báo cáo Xây dựng cơ bản;
- ✦ TK 5113: Doanh thu từ hoạt động định giá Doanh nghiệp;
- ✦ TK 5114: Doanh thu từ hoạt động tư vấn, đào tạo;
- ✦ TK 5117: Doanh thu từ các hoạt động khác.

- Xây dựng bộ máy kế toán phù hợp với cơ cấu quản lý của Công ty, xác định số lượng nhân viên kế toán cần thiết dựa trên khối lượng công việc kế toán của công ty, các yêu cầu về trình độ quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán phù hợp với từng phần hành cụ thể.

- Trên cơ sở khối lượng tính chất nghiệp vụ cụ thể mà bố trí các cán bộ kế toán phù hợp với trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tránh để tình trạng kiêm nhiệm không đảm bảo nguyên tắc kiểm tra, kiểm soát lẫn nhau. Với số lượng kế toán như hiện nay, phải bố trí kiêm nhiệm những công việc có tính chất độc lập tương đối cho các nhân viên kế toán.

- Xuất phát từ ý nghĩa vô cùng quan trọng của vấn đề kiểm tra, kiểm soát trong đơn vị, nhằm cung cấp những thông tin kế toán một cách chính xác, trung thực, công khai, hợp lý, Công ty cần phải căn cứ vào tình hình cụ thể của đơn vị mình(đặc điểm hoạt động kinh doanh, quy mô, loại hình kinh doanh...) để xây dựng kế hoạch kiểm tra. Việc xây dựng kế hoạch kiểm tra phải thực hiện ngay từ đầu năm. Trong kế hoạch cũng phải quy định rõ ràng tất cả các công việc cần phải làm cũng như nội dung, phương pháp hay nhân viên phụ trách công tác kiểm tra... Công việc kiểm tra sẽ giúp hoạt động kinh doanh của Công ty được liên tục, cung cấp và phản ánh được chính xác và kịp thời nhất cho mọi đối tượng quan tâm. Trên đây là những giải pháp nhằm mục đích làm hoàn thiện hơn công tác hạch toán kế toán của Công ty nói chung, công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An

Phát. Tuy nhiên để thực hiện được những giải pháp đó thì Công ty mà cụ thể là phòng kế toán nên có những việc làm sau:

- Công ty nên có kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ nhân viên trong toàn Công ty, bồi dưỡng và bố trí nguồn nhân lực một cách hợp lý, khoa học. Có phương thức quản lý hoạt động kinh doanh một cách khoa học, tạo mọi điều kiện cho bộ máy kế toán hoàn thành công việc.

- Bộ máy kế toán phải thực hiện đúng chính sách, chế độ, quy định về quản lý kinh tế tài chính của Việt Nam. Nghiên cứu các chuẩn mực, các văn bản như Pháp lệnh kế toán, Luật kế toán... để hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán tại Công ty, từ đó có sự vận dụng phù hợp và linh hoạt. Tham gia các lớp huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ, thường xuyên trao đổi kinh nghiệm nhằm hạn chế những sai sót nếu có trong quá trình tổ chức công tác hạch toán kế toán.

- Do công việc kế toán tại công ty không quá phức tạp nên hiện nay công ty vẫn thực hiện công tác kế toán qua Excel. Trong khi đó trên thị trường có rất nhiều loại phần mềm kế toán mà Công ty có thể lựa chọn để đem vào sử dụng. Việc áp dụng kế toán máy đảm bảo thống nhất đồng bộ hệ thống không chỉ riêng ở bộ phận kế toán. Bên cạnh đó việc áp dụng kế toán máy sẽ tiết kiệm được thời gian và tăng năng suất lao động. Nên công ty nên tham khảo và áp dụng phần mềm kế toán vào trong công việc hạch toán kế toán tại công ty để tăng độ chính xác, và tiết kiệm thời gian trong công tác tổ chức kế toán.

- Công ty cần có những điều chỉnh trong việc phân loại chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp để thuận tiện cho việc phân loại biến phí, định phí được thực hiện một cách nhanh chóng và thuận tiện hơn, giúp cho công tác quản trị, theo dõi biến động của các khoản chi phí chi tiết và thuận tiện hơn.

*** Phương hướng nâng cao lợi nhuận tại công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát:**

- Đánh giá khái quát hiệu quả kinh doanh:

Công ty đang mở rộng hoạt động kinh doanh ra những thị trường mới, cung cấp thêm các dịch vụ mới như: kiểm toán xây dựng cơ bản, tư vấn và giáo dục, thuế... để đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

* Một số biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty:

+ Mở rộng thị trường phục vụ:

Hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, doanh nghiệp nào cũng phải chính xác định cho mình một chiến lược kinh doanh hợp lý với điều kiện của mình, trong đó chiến lược về thị trường mục tiêu đóng vai trò không nhỏ.

Thị trường là một yếu tố quyết định đến hiệu quả kinh doanh của Công ty. Để nâng cao hiệu quả kinh doanh nói chung, hiệu quả tiêu thụ nói riêng Công ty cần có chiến lược mở rộng thị trường một cách phù hợp.

Trước hết, Công ty cần phải phục vụ tốt các khách hàng thường xuyên và có những biện pháp để mở rộng thị trường phục vụ như:

Tăng cường các biện pháp quảng cáo, Marketing thể hiện được rõ chất lượng phục vụ và uy tín của Công ty.

Tăng cường các chính sách khuyến mại, thực hiện chiết khấu thương mại cho những khách hàng lớn và thường xuyên của Công ty.

Xây dựng đội ngũ nhân viên năng động, có những chính sách quan tâm đến nguồn nhân lực như chính sách lương, thưởng... tạo điều kiện cho nhân viên phục vụ khách hàng một cách tốt nhất.

+ Quản lý tốt chi phí quản lý doanh nghiệp:

Đối với Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát, để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh bên cạnh việc tăng doanh thu thì Công ty cần phải có những biết pháp tiết kiệm các khoản chi phí kinh doanh. Để thực hiện tiết kiệm chi phí, em xin đưa ra một số biện pháp sau:

Chi phí hoạt động kinh doanh bao gồm hai khoản chi là chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, nhưng do đặc thù hoạt động kinh doanh của mình(hoạt động kinh doanh dịch vụ) mà chi phí bán hàng chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng chi phí(Hai loại chi phí này được tập hợp trong tài khoản: TK 641, TK

642). Do đó, giải pháp chủ yếu cần tập trung làm giảm chi phí quản lý doanh nghiệp. Trước hết, Công ty cần có những giải pháp giảm chi phí không cần thiết như: chi phí điện thoại, chi phí điện... tránh tình trạng sử dụng tràn lan. Đối với chi phí hội họp, tiếp khách Công ty cần có quy định cụ thể về số tiền được chi cho từng cuộc họp... Ngoài ra, Công ty nên phổ biến những chính sách thực hiện tiết kiệm đến từng cán bộ công nhân viên, yêu cầu mọi người cùng phối hợp thực hiện. Cuối năm có những chính sách khen thưởng, xử phạt đối với những cá nhân, bộ phận làm chưa tốt.

Quản lý tốt chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là một vấn đề mà doanh nghiệp nào cũng cần quan tâm. Tiết kiệm được chi phí đồng nghĩa với việc lợi nhuận của doanh nghiệp tăng lên. Đây là hai chỉ tiêu chất lượng quan trọng phản ánh trình độ quản lý kinh doanh của một doanh nghiệp. Quy mô hai loại chi phí này lớn hay nhỏ đều ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Công ty. Để tiết kiệm được hai loại chi phí này, Công ty phải quản lý chặt chẽ theo từng yếu tố chi phí phát sinh, có kế hoạch, sắp xếp công việc kinh doanh một cách khoa học, hợp lý. Có kế hoạch và dự kiến cho từng khoản chi phí sử dụng, tránh tình trạng chi phí vượt nhiều so với kế hoạch. Để có thể thực hiện được hai điều này, Công ty phải tiến hành phân công công việc, giám sát quá trình thực hiện công việc một cách nghiêm túc, đối với những công việc phải tiêu tốn một khoản chi phí lớn thì nên đưa ra nhiều phương án để lựa chọn, phương án nào tiết kiệm được chi phí, đem lại hiệu quả tối ưu thì lựa chọn, điều đó giúp Công ty giảm thiểu rủi ro và tránh được sự bị động khi gặp sự cố.

+ Nâng cao chất lượng phục vụ:

Như chúng ta đã biết chất lượng của dịch vụ cung cấp cho khách hàng là vấn đề rất quan trọng đối với một doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ. Nếu chất lượng phục vụ không đáp ứng được nhu cầu của khách hàng thì dịch vụ đó sẽ không tồn tại lâu dài được. Sau đây là một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

Tăng cường sự tham gia của khách hàng:

Trong ngành dịch vụ khách hàng là người quan trọng nhất, khách hàng thể hiện ý kiến của mình về chất lượng dịch vụ sử dụng thông qua thông tin phản hồi và sự tham gia của khách hàng trong việc thực hiện dịch vụ. Chính vì thế mà sự tham gia của khách hàng ảnh hưởng tới chất lượng dịch vụ cung cấp và tăng cường sự tham gia của khách hàng cũng là một biện pháp quan trọng để tăng chất lượng phục vụ thu hút khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty.

KẾT LUẬN

Trong quá trình nghiên cứu lý luận và tìm hiểu thực tiễn, em đã mạnh dạn đi sâu vào đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát”**.

Chuyên đề đã đề cập và giải quyết một số vấn đề về tổ chức bộ máy công tác kế toán và việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát.

Trên cơ sở thực tế đã nêu, chuyên đề đã đi vào phân tích những ưu điểm cần phát huy và những nhược điểm cần khắc phục của hệ thống kế toán tại Công ty. Từ đó, đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu bán hàng và xác định kết quả nói riêng.

Tuy nhiên, do thời gian và trình độ hạn chế nên chuyên đề tốt nghiệp của em không tránh khỏi thiếu sót, em mong được sự chỉ bảo, góp ý cũng như phê bình của các Thầy Cô giáo để chuyên đề được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn **Ts. Trương Thị Thủy**, các thầy cô giáo trong bộ môn khoa Kế toán – Kiểm toán trường Đại học Dân lập Hải Phòng và các anh chị trong phòng kế toán của Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát đã nhiệt tình hướng dẫn em hoàn thành bản chuyên đề này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hệ thống Kế toán Việt Nam – Chế độ kế toán doanh nghiệp của Nhà xuất bản Tài chính xuất bản năm 2006 – Quyển 1
- Hệ thống Kế toán Việt Nam – Chế độ kế toán doanh nghiệp của Nhà xuất bản Tài chính xuất bản năm 2006 – Quyển 2
- Giáo trình Kế toán Tài chính - Trường ĐH KTQD Hà Nội xuất bản năm 2005.
- Sách Kế toán tài chính trong doanh nghiệp do PGS. TS Nguyễn Năng Phúc – TS. Nguyễn Ngọc Quang đồng chủ biên, Nhà xuất bản Tài chính năm 2004.
- Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Tài liệu của Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát.
- Các trang Web: <http://www.webketoan.com>
<http://www.tapchiketoan.info>
<http://www.kiemtoan.com>
<http://www.forum.misa.com>